CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53 /CV-DLG	*Gia Lai, ngày 26 tháng 4 năm 2019*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Mã chứng khoán: DLG
Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Trung Kiên
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366
Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☑ định kỳ
Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2018.
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26./4/2019 tại đường dẫn:
Website công ty: *http://www.duclonggroup.com/co-dong/bao-cao-thuong-nien*
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- *Báo cáo thường niên năm 2018.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5900415863 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
TP. PLEIKU-T. GIA LAI

NGUYỄN TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900415863, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI, L=GIA LAI, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-26 16:54:53
Foxit Reader Version: 9.2.0

2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

"Đi là đến"

TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI

TẦM NHÌN

"Trở thành Tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Dương từ 2019 – 2022"

SỨ MỆNH

"Không ngừng sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, liên tục tăng trưởng bền vững để tối đa hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác cùng cán bộ công nhân viên."

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Đổi mới tư duy.**
- **Đột phá hiệu quả.**
- **Năng động sáng tạo.**
- **Đoàn kết phát triển.**

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa quý cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL), tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư đã tín nhiệm, đồng hành cùng chúng tôi trong suốt một năm qua!

Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc, hoàn thành toàn diện 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao, trong đó, 8 chỉ tiêu vượt và 4 chỉ tiêu đạt kế hoạch. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường, ... Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc triển khai mạnh mẽ công tác chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư của các doanh nghiệp, dẫn đến đóng góp vào GDP của khu vực tư nhân chưa tới 8%, trong khi hộ gia đình là 32%, doanh nghiệp Nhà nước 27-28%, và khu vực nước ngoài khoảng 20%. Nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn do cơ chế chính sách bị thắt chặt, hồ sơ thủ tục pháp lý chậm được giải quyết và Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.

Song, với quyết tâm cao vượt qua những khó khăn trước mắt, dưới sự chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả của HĐQT cùng với sự tin tưởng, song hành của quý cổ đông, nhà đầu tư cũng như sự đoàn kết, nhất trí của toàn thể CBCNV, người lao động, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã đạt được một số kết quả khá tốt: Kết thúc năm tài chính 2018, doanh thu thực hiện được 2.916,8 tỷ đồng, đạt 91,15% kế hoạch, tăng 0,1% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế 14,35 tỷ đồng, bằng 24,17% so với năm trước. Một số lĩnh vực hoạt động đầu tư và kinh doanh có sự tăng trưởng khá, nhất là trong các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng thu phí, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, …;

Các sự kiện quan trọng đã diễn ra trong năm 2018, là: Tập đoàn đã chính thức phát điện thương mại Nhà máy Thủy điện Đăk Pô Cô với công suất 18,5 MW, hòa lưới điện quốc gia từ đầu năm 2018; đã hoàn thành thi công Khách sạn 05 sao DLG Đà Nẵng; đẩy mạnh thi công Nhà máy thủy điện Tân Thượng, dự kiến hoàn thành và phát điện thương mại vào năm 2019; đã mua và trở thành Nhà đầu tư chiến lược, nắm giữ 51% cổ phần Công ty Cà phê Gia Lai và 51% cổ phần Công ty Chè Biển Hồ. Các công ty này đã tổ chức thành công kỳ Đại hội cổ đông đầu tiên sau cổ phần hóa, bầu ra các nhân sự chủ chốt để điều hành các công ty và đề ra kế hoạch phát triển trong các năm đến. Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM đã đi vào ổn định và bắt đầu sản xuất ra sản phẩm từ tháng 06/2018. Các dự án cơ sở hạ tầng, năng lượng, bất động sản… được tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, đẩy nhanh tiến độ, đốc thúc hoàn thiện để đưa vào khai thác, sử dụng. Tập đoàn đã được các bộ, ngành TW và chính quyền các tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án quan trọng về cơ sở hạ tầng, bất động sản nghỉ dưỡng, khu công nghiệp tại Bà Rịa - Vũng Tàu, các dự án năng lượng tái tạo tại Ninh Thuận, Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên…;

Thưa quý cổ đông!

Năm 2019 là năm cả nước đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 -2020. Theo dự báo, kinh tế Việt Nam bước sang năm 2019 sẽ tiếp tục có những yếu tố thuận lợi: tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và tình hình kinh tế - xã hội ổn định, thương mại được thúc đẩy thông qua thực hiện và tham gia vào các hiệp định thương mại (FTA); tái cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh được tăng cường. Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định kinh tế Việt Nam năm 2019 lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm, thực hiện theo đúng phương châm 12 chữ vàng: ”Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả, bứt phá”, trong đó, không đánh đổi hay lựa chọn giữa chất lượng tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng, mà phải đạt được cả hai. Đây là nền tảng quan trọng để các doanh nghiệp trong nước có cơ hội bứt phá.

Đối với Đức Long Gia Lai, năm 2019 là năm có ý nghĩa rất quan trọng - năm bản lề của kế hoạch phát triển giai đoạn 2018 - 2022. Với uy tín, thương hiệu và năng lực sẵn có, cùng rất nhiều cơ hội đầu tư đã và đang được ĐLGL triển khai, thì các chủ trương

đúng đắn của Chính phủ trong việc khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, coi kinh tế tư nhân là "động lực quan trọng của nền kinh tế" là nhân tố hết sức thuận lợi, chắp cánh cho ĐLGL thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược của mình. Giữ vững tinh thần năng động, nắm bắt xu thế, đón đầu các cơ hội, tận dụng thời cơ, phấn đấu tạo nên những bước đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tập đoàn Đức Long Gia Lai bước vào năm mới 2019 với thông điệp hành động "***KỶ CƯƠNG KỶ LUẬT - ĐỘNG NÃO SÁNG TẠO - CHỦ ĐỘNG HÀNH ĐỘNG VÀ HIỆU LỰC HIỆU QUẢ***", kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2018 - 2022, không ngừng tăng trưởng về quy mô và hiệu quả.

Cá nhân Tôi, với khẩu hiệu hành động: *"02 sẵn sàng, 03 cương quyết"*, Tôi quyết tâm đưa Đức Long Gia Lai trở thành một trong những Tập đoàn kinh tế mạnh hàng đầu của Việt Nam vào năm 2022 cả về thương hiệu, vốn hóa, quản trị doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh. Tôi cam kết tập trung toàn bộ trí lực, vật lực, hành động quyết liệt thực hiện bằng được mục tiêu này; đồng thời sẽ làm bất cứ những gì tốt nhất, đem lại quyền lợi cao nhất cho Quý cổ đông và nhà đầu tư. Mong rằng các thành viên HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn Đức Long Gia Lai ủng hộ và đồng hành cùng Tôi trong việc thực hiện khẩu hiệu hành động và phấn đấu đạt được mục tiêu đã đề ra.

Sau một năm đầy khó khăn với những kết quả đạt được, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược, kế hoạch kinh doanh cũng như về quản trị doanh nghiệp. Cám ơn các đối tác và khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào ĐLGL. Cám ơn toàn thể CBCNV vì sự chuyên nghiệp, trung thành, cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp và nhất là xin cám ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông. Mong rằng, quý vị cổ đông, các đối tác, khách hàng tiếp tục tin tưởng, hợp tác gắn bó, ủng hộ HĐQT trên bước đường phát triển hiện tại và lâu dài của Tập đoàn ĐLGL.

Chúng tôi cam kết sẽ thường xuyên thông tin đến quý vị cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng một cách kịp thời, đầy đủ, công khai và minh bạch.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DUCLONG GROUP

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Tóm tắt hoạt động của HĐQT năm 2018

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Đánh giá của Ban kiểm soát
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung

Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.993.097.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.993.097.200.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đổng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: *http://www.duclonggroup.com/*
- Mã cổ phiếu: DLG

Quá trình hình thành và phát triển

+ **Năm 2018**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi phát hành 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

Ngoài việc tiếp tục đầu tư phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, lĩnh vực đầu tư xây dựng dân dụng – cầu đường và công nghiệp. Năm 2018, Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) tập trung trong lĩnh vực bất động sản khi thực hiện nhận chuyển nhượng trên 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng với nhiều dự án bất động sản đa sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất đầu tư nhiều dự án có quy mô lớn tại Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bên cạnh đó, còn mở rộng đầu tư lĩnh vực nông nghiệp khi thực hiện mua và nắm giữ 51% cổ phần tại công ty CP Chè Biển Hồ và CTCP Cà Phê Gia Lai.

+ **Năm 2017**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

+ **Năm 2016**

DLG tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG.

+ **Tháng 06/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

+ **Tháng 09/1995**

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng và 9.700 m2 đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

Các hoạt động nổi bật trong năm 2018

✓ Ngày 05/02/2018, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai phối hợp với Hội chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai và tịnh xá Bảo Sơn đã đến thăm và tặng 200 phần quà Tết cho người nghèo, nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

✓ Ngày 09/3/2018, CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai là nhà tài trợ chính cho chương trình Hài kịch – Ca nhạc " Chào Xuân" do UBND TP.Pleiku phối hợp với Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kỷ niệm 43 năm ngày Giải phóng tỉnh Gia Lai (17/3/1975-17/3/2018).

✓ Tháng 01/4/2018, bổ nhiệm hàng loạt nhân sự cấp cao. Theo đó, Ông Nguyễn Trung Kiên - Ủy viên HĐQT, nguyên Tổng giám đốc Công ty BOT & BT Đức Long Đăk Nông, được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2017 - 2022 thay cho ông Phạm Anh Hùng. Ông Trần Cao Châu được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng thay cho bà Vũ Thị Hải. Bà Vũ Thị Hải, nguyên Kế toán trưởng, được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kiêm Trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư.

✓ Tháng 5/2018, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai được trao tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam năm 2017. Bằng khen do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng.

✓ Tháng 9/2018, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) đã có cuộc làm việc với UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và nhiều sơn ngành trên địa bàn. Nhằm đưa ra đề xuất đầu tư nhiều dự án quy mô khá lớn vào địa phương. Theo đó, Công ty CP ĐLGL đề xuất thực hiện: 05 dự án khu du lịch nghỉ dưỡng cao, quần thể du lịch sinh thái tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, dự án Khu công nghiệp dầu khí Long Sơn, dự án Khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hắc Dịch, ...

✓ Ngày 06/9/2018, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có chuyến thăm vườn chè cổ thụ của công ty CP Chè Biển Hồ (Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai nắm giữ 51% cổ phần)

✓ Tháng 11/2018, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) hoàn thành thủ tục mua lại toàn bộ dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp 5 sao Bình An – Phước Bửu tại Bà Rịa – Vũng Tàu, với quy mô 21,4 ha, dự kiến sẽ hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2020.

Thành tích đạt được

Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.

3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.

3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.

4 lần nhận giải "Sao vàng đất Việt" dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.

Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.

Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi-Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 4 năm liền ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top những người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được trao tặng nhiều Bằng khen, Cúp, Cờ của các bộ, ngành, địa phương.

Trong năm 2017, Ông Chủ tịch Bùi Pháp đứng trong top 15 người giàu trên thị trường chứng khoán.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề chiến lược:

Bất động sản
Cơ sở hạ tầng
Năng lượng
Sản xuất linh kiện điện tử

Ngành nghề truyền thống

Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng
Dịch vụ Bảo vệ, Vệ sĩ

Địa bàn kinh doanh:

Là một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn đang mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

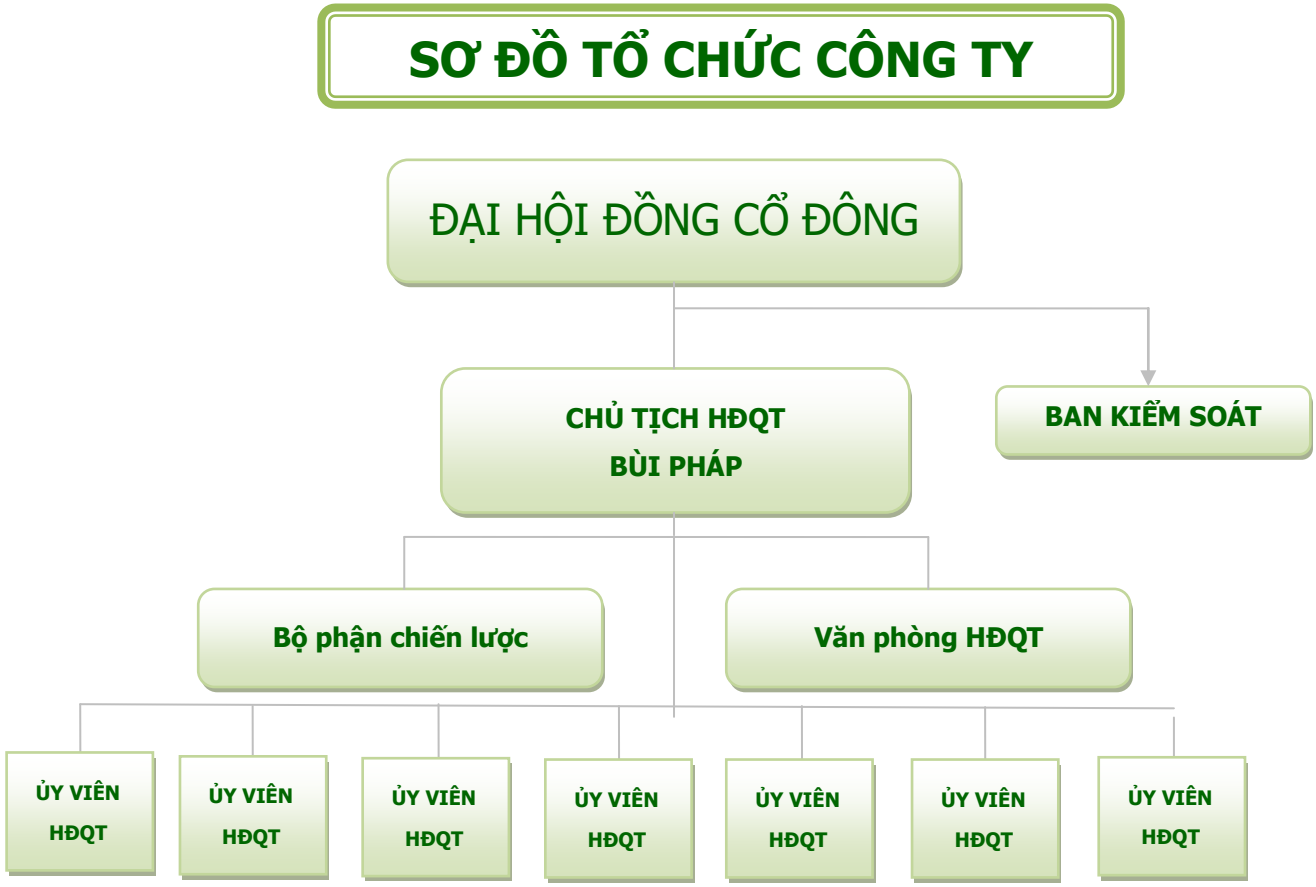

Cơ cấu bộ máy quản lý

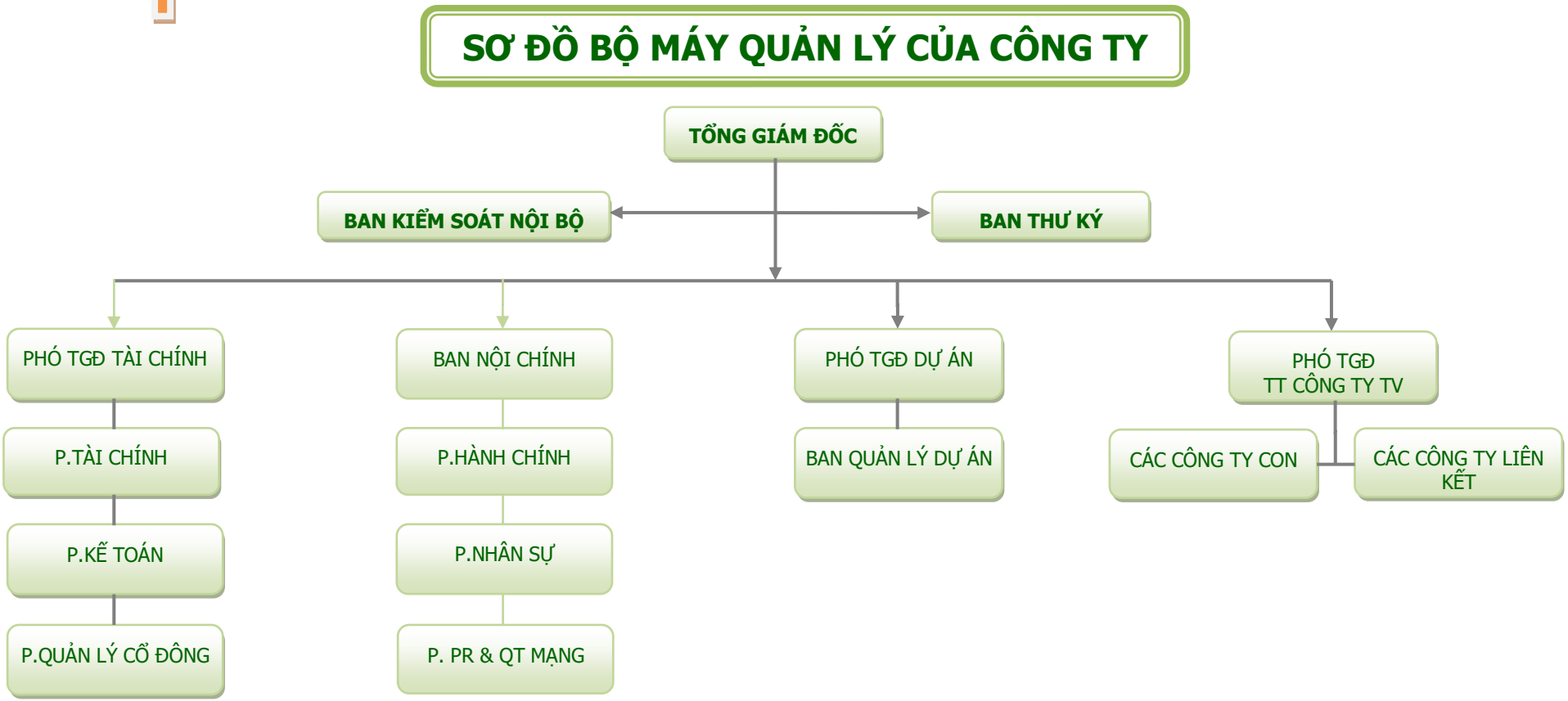

Các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I.	**Công ty con**				
1	Công ty cổ Phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, ….	601	84,03%
2	CTCP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai *(đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp theo QĐ số 36/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 20/6/2018)*	43 Lý Nam Đế - Trà Bá - Pleiku - Gia Lai	Trồng cây cao su, trồng cây lâu năm khác, …	132	98,86%
3	CTCP BOT & BT Đức Long Đăk Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Tổ 9, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, …	250	70,60%
4	CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, …	270	73,49%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
5	CTCP Đức Long Đà Nẵng *(đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp theo QĐ số 65/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 29/12/2018)*	47, Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, kinh doanh vận tải hàng, …	25	85,00%
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	211 thôn Phú Hà, Xã Ia Blứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác, trồng cây lấy củ có chất bột, …	360,5	99,86%
7	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện điện tử, …	320	97,73%
8	Công ty CP Năng lượng Tân Thượng	18 Hà Huy Tập , phường 3. TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Xây dựng thủy điện, …	155	88%
9	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng	149-151 Đường A9, Khu Dân cư Trung Sơn, Ấp 4B, xã Bình Sơn, Huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh Bất ddoognj sản, Kinh doanh nhà các loại, ...	200	98,7%
10	Công ty CP Chè Biển Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán xuất nhập khẩu cà phê, chè, ...	89,356	51%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
11	Công ty CP Cà Phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng/ Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán nông nghiệp, trồng cây cà phê, ...	146,763	51%
II.	**Công ty liên kết**				
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	53 Quang Trung Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng cac công trình giao thông, hạ tầng đô thị, …	2,96	20,00%
2	Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	02 Đặng Trần Côn -Trà Bá - Pleiku - Gia Lai	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, …	60	33,33%
3	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú - Diên Hồng - Pleiku - Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang, trồng cao su, ….	15	40,00%
4	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, …	2,28	40,00%
5	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Số 08, Triệu Quang Phục, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, sản xuất truyền tải và phân phối điện, …	90	20%

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ Phấn đầu đến năm 2020, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

✓ **Về doanh thu và lợi nhuận:** Đức Long Gia Lai phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 30% - 50%.

✓ **Về thị trường**: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

❖ **Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty**

✓ **Đối với môi trường**: Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiến bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng…

✓ **Đối với xã hội**: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội

✓ **Đối với cộng đồng**: những công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

❖ **Trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020 với các Lĩnh vực cốt lõi:**

Cơ sở hạ tầng: Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt

Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 1 và Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí trên gần 150 Km đường BOT với thời gian thu trên 20 năm.

Định hướng trong thời gian tới, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục tìm kiếm, cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu hành chính kết hợp với việc đầu tư kinh doanh các khu dân cư từ nguồn đất được giao, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển… trong cả nước.

***Bất động sản*:** Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án bất động sản tại Quận 8 và Quận Bình Tân TP.HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, ... Nguồn đất có được từ các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng bằng hình thức BT (đổi đất lấy hạ tầng), Đức Long Gia Lai tiếp tục triển khai các dự án đầu tư bất động sản tại TP.HCM và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trong giai đoạn 2019 - 2020 và các năm tiếp theo. Đưa Đức Long Gia Lai trở thành thương hiệu đứng đầu cả nước trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản trong tương lai.

***Năng lượng*:** Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo, theo hình thức phân tán kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại Đức. Phấn đấu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu tại Việt Nam trong tương lai.

Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng các Dự án thủy điện: Thủy điện Tân Thượng (dự kiến hoàn thành xây dựng và bán điện thương mại vào cuối năm 2019). Chuẩn bị thủ tục đầu tư 04 dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công từ 2019 - 2020. Lập thủ tục đầu tư các dự án điện năng lượng mặt trời, điện gió kết hợp du lịch tại các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận với tổng công suất từ 700 - 800 MW, vốn đầu tư từ 20.000 - 30.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2019 - 2022.

***Sản xuất linh kiện điện tử*:** Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở nước ta, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước. Tiếp tục tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quảng, tỉnh Quảng

Đông và Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Seoul Hàn Quốc. Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị máy móc, đưa Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM vào sản xuất và xuất khẩu sản phẩm đi các nước.

Các rủi ro

Các yếu tố rủi ro

❖ Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình.

Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP.

Các cường quốc lớn đang dần rời khỏi hệ thống thương mại toàn cầu dựa trên cơ sở các quy tắc, vốn có lợi cho những nền kinh tế nhỏ mở cửa như Việt Nam. Bất chấp những thách thức trên, kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy “sự dẻo dai”. Tăng trưởng GDP ở mức cao với con số 7,08%. Điều đáng ghi nhận là, dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng đảm bảo mục tiêu kiểm soát dưới 4%, nợ công giảm so với năm 2017... Điều đó cho thấy Chính phủ không chỉ tập trung cho con số tăng trưởng mà còn chú trọng vào chất lượng tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã trải qua một năm hoạt động đạt nhiều kết quả tích cực.

❖ Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của tập đoàn đặc biệt các

khoản lãi suất thả nổi. Trong năm, lãi suất có diễn biến tốt khi tình hình vĩ mô ổn định, lạm phát thấp tạo điều kiện giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng tài chính.

❖ Rủi ro tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

❖ Rủi ro pháp luật

Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đức Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

❖ Rủi ro môi trường

CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

Rủi ro đặc thù ngành

❖ *Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ*

Với đặc điểm của ngành là chỉ cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu từ "Nhà nước và tư nhân cùng làm" giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.

❖ *Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:*

Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp.

❖ *Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:*

Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sản và resort để thu hút du khách.

❖ *Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:*

Kể từ ngày 16/7/2015, Công ty TNHH Mass Noble Investments ("Mass Noble") chính thức trở thành công ty con của Đức Long Gia Lai có trụ sở tại Hồng Kông, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất điện tử và linh kiện điện tử. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Đây có thể coi là một thành công của Mass Noble trong thời gian qua. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp Mass Noble dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.

Tình hình hoạt động

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2018/2017
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.490.622	2.913.845	2.916.842	**0,103%**
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.014.661	2.409.618	2.483.969	**3,086%**
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	462.621	487.891	430.323	**-11,799%**
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	87.908	153.392	161.664	**5,393%**
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	309.517	352.361	342.436	**-2,817%**
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	18.970	41.173	27.430	**-33,379%**
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	131.360	171.851	193.870	**12,813%**
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	90.845	76.103	28.276	**-62,844%**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2018/2017
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-5.320	12.650	8.272	**-34,604%**
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	85,525	88,752	36.549	**-58,819%**
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	55,405	59,362	14.353	**-75,821%**

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch và tạo lợi nhuận cho cổ đông. Kết thúc năm tài chính 2018, doanh thu thực hiện được 2.916,8 tỷ đồng, đạt 91,15% kế hoạch, tăng 0,1% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế 14,35 tỷ đồng, bằng 24,17% so với năm trước. Hoạt động SXKD của Đức Long Gia Lai đang đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu. Một số lĩnh vực hoạt động đầu tư và kinh doanh có sự tăng trưởng khá, nhất là trong các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng thu phí, năng lượng, sản xuất linh kiện điện tử, …;

- ***Tình hình thực hiện so với kế hoạch*:**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	Tỷ đồng	3.200	2.917	91,16%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	140	14,4	10,29%

Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước dù đã khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì vậy doanh thu và lợi nhuận đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHĐCĐ thường niên 2018.

- **Danh sách Ban điều hành:**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phạm Anh Hùng	Tổng giám đốc	0	0	Đã miễn nhiệm ngày 31/03/2018
2	Nguyễn Trung Kiên	Tổng giám đốc	2.451.058	0,82	Đã bổ nhiệm ngày 01/4/2018
3	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0	
4	Phan Xuân Viên	Phó Tổng giám đốc	0	0	Đã miễn nhiệm ngày 31/1/2018
5	Trần Văn Phương	Phó Tổng giám đốc	68.389	0,023	
6	Vũ Thị Hải	Phó Tổng giám đốc	35.479	0,012	Đã bổ nhiệm ngày 01/4/2018
7	Trần Cao Châu	Kế toán trưởng	525.000	0,175	Đã bổ nhiệm ngày 01/4/2018

Ông Phạm Anh Hùng – Tổng Giám đốc

(Đã miễn nhiệm ngày 31/03/2018)

Trình độ: Cử nhân luật

Quá trình công tác:

✓ 2000 – 2005: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.

✓ 2006 – 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty TNHH An Lạc.

✓ *11/2010* – 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Tập đoàn *Đức Long Gia Lai*.

✓ 4/2011 – 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Tập đoàn *Đức Long Gia Lai*.

✓ 1/1/2014 đến 31/3/2018: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Nguyễn Trung Kiên – Tổng Giám đốc

(Đã bổ nhiệm ngày 01/4/2018)

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

✓ 1999 - 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.

✓ 03/2003 - 02/2007: Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.

✓ 03/2007 - 08/2010: Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 10/2010 – 3/2018 : Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông

✓ 4/2018 – nay: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Phạm Minh Việt – Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

✓ 2000 - 2003: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.

✓ 2003- 2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.

✓ 2006 - 2008: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.

✓ 2008 - 2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách cơ sở hạ tầng Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 2/2017 – nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai

Ông Phan Xuân Viên – Phó Tổng giám đốc

(Đã miễn nhiệm ngày 31/1/2018)

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ 1990 – 2005: Giám đốc Công ty XNK thương mại Thừa Thiên – Huế.

✓ 2005 – 2006: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

✓ 2007 – 1/2018: Phó Tổng Giám đốc phụ trách các dự án phía Nam.

Ông Trần Văn Phương – Phó Tổng giám đốc

Trình độ: Cử nhân xây dựng

Quá trình công tác:

✓ 2007 - 01/2009 : Công ty THHH XDCT Hùng Vương.

✓ 02/2009 - 04/2012 : Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.

✓ 05/2012 - 08/2013 : Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai

✓ 09/2013 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.

✓ 06/2017 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Bà Vũ Thị Hải – Phó Tổng giám đốc

(Đã bổ nhiệm ngày 01/4/2018)

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.

✓ 1/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 3/2008 – 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 5/2011- 6/2013 : Trưởng ban tài chính, trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 07/2013 – 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng ban tài chính. Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 4/2018 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Những thay đổi trong ban điều hành

Nhằm kiện toàn nhân sự cấp cao trong nhiệm kỳ mới, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo guồng máy vận hành xuyên suốt, nhất là trong giai đoạn ĐLGL không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư trong và ngoài nước. Đầu tháng 4/2018, Tập đoàn đã có sự thay đổi đột phá khi miễn nhiệm và bổ nhiệm Ban lãnh đạo mới. Theo đó, Ông Nguyễn Trung Kiên (sinh năm 1974), Ủy viên HĐQT, nguyên Tổng giám đốc Công ty BOT & BT Đức Long Đăk Nông, được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2017 - 2022 thay cho ông Phạm Anh Hùng. Ông Trần Cao Châu (sinh năm 1971), nguyên Trưởng Ban Kiểm soát, được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng thay cho bà Vũ Thị Hải. Bà Vũ Thị Hải (sinh năm 1966), nguyên Kế toán trưởng, được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kiêm Trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư.

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

❖ **Thống kê nhân sự**

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn tính đến 31/12/2018 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2018 là 9 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân hàng tháng trên 9,5 triệu đồng/người/tháng.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	9.000.000	9.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	**8.500.000**	**9.500.000**	**9.500.000**

❖ **Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

✓ ***Chính sách tuyển dụng***

Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức "tuyển" để "dụng" cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch…Với thông điệp "ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài", đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi cán bộ - nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa… Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

Cán bộ - nhân viên làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của

Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

✓ ***Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp***

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần), qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

✓ ***Chính sách tiền lương:***

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo

tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ - nhân viên được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bố trí chức vụ cao hơn.

✓ ***Chính sách phúc lợi:***

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Môi trường - điều kiện làm việc

Với phương châm "Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh", Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho cán bộ - nhân viên, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v.

Các khoản đầu tư lớn

❖ Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
Cho vay ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	481.256	810.551
Cho vay ngắn hạn cá nhân	Tr.đồng	508.143	601.356

Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2017 (Tr.đồng)	2018 (Tr.đồng)
Đầu tư góp vốn	**2.700**	**1.500**
CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480
CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Đức Long Gia Lai	1.020	1.020
CTY TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang GL	1.200	-
Cho vay	**752.538**	**476.062**
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	324.063	-
CTCP Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	18.200	17.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Vạn Gia Long	14.839	11.928
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL	-	2.389
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku Gia Lai	-	171.015
Nguyễn Tân Tiến	44.666	-
Nguyễn Thanh Tâm	279.600	-
Nguyễn Tấn Đạt	26.789	218.896
Hồ Thị Mỹ Trinh	9.696	39.234
Các đối tượng khác	34.685	15.600

Tình hình thực hiện các dự án

Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ), Dự án thủy điện và năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ). Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2018:

STT	Dự án	Số tiền sử dụng vốn đã huy động từ đợt phát hành	Số tiền đã sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành	Lý do chưa sử dụng hết số tiền
1	Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	177.716.686.733	122.283.313.267	Dự án đang triển khai
2	Dự án thủy điện và năng lượng	150.000.000.000	150.000.000.000	0	-
3	Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	0	-
Tổng cộng		**500.000.000.000**	**377.716.686.733**	**122.283.313.267**	-

Các công ty con, công ty liên kết

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty con

Công ty TNHH Mass Noble Limited

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.600,86	1.880,95
2	LNTT	Tỷ đồng	17,51	39,3

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
3	Tài sản	Tỷ đồng	874,82	927
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	320,06	320,06

CTCP BOT&BT Đức Long Đăk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	204,15	210,17
2	LNTT	Tỷ đồng	31,57	41,63
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.245,53	1.247
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250,00	250,00

Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	-	12,91
2	LNTT	Tỷ đồng	0,27	1,34
3	Tài sản	Tỷ đồng	670,04	726,61
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	601	601

CTCP Chè Biển Hồ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	71,09
2	LNST	Tỷ đồng	3,64
3	Tài sản	Tỷ đồng	152,61
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	89,36

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty liên kết

Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	24,31	21,69
2	LNTT	Tỷ đồng	2,22	2,16
3	Tài sản	Tỷ đồng	36,13	39,68
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2,96	2,96

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	8.312.491	8.712.258	4,809%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.897.509	2.914.292	0,579%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	76.103	28.276	-62,845%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	12.650	8.272	-34,609%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	88.752	36.549	-58,819%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	59.362	14.353	-75,821%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,87	1,60	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1,57	1,31	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	59,67	60,03	

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,47	1,50	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,8	3,86	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,35	0,34	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,04	0,49	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,76	0,41	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,71	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,62	0,97	

Tất cả các chỉ số tài chính đều thể tình hình tài chính lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt. Các chỉ số thanh toán phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đến hạn và đáp ứng kịp thời các khoản vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

So sánh tình hình tài chính năm 2018 với công ty cùng ngành

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	DLG	HAG	Chênh lệch
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	8.712	48	8.664
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.914	5	2.909
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	28,28	0,94	27,34
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	8,27	-0,89	9,16
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	36,55	0,47	36,08
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,35	0,006	14,344

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

- Số cổ phiếu phổ thông: 299.309.720 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 299.309.720 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 04/10/2018

- **Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:**

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	**263.405.646**	**88,004%**
Cá nhân	*260.469.456*	*87,023%*

Tổ chức	*2.936.190*	*0,981%*
Cổ đông nước ngoài	**35.904.074**	**11,996%**
Cá nhân	*445.989*	*0,149%*
Tổ chức	*35.458.085*	*11,847%*
Tổng	**299.309.720**	**100%**

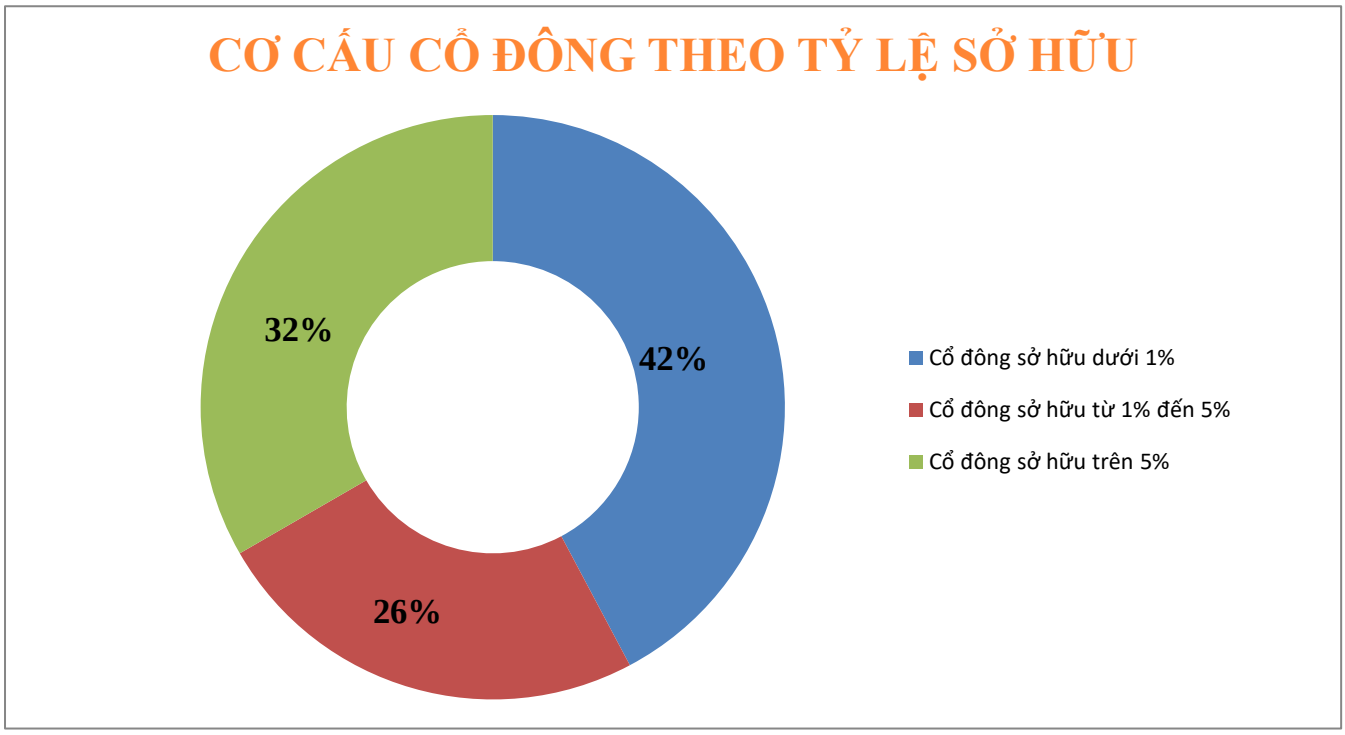

❖ **Danh sách cổ đông lớn:**

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	64.226.523	21,46%
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	31.858.597	10,65%

❖ **QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2018 (TỶ ĐỒNG)**

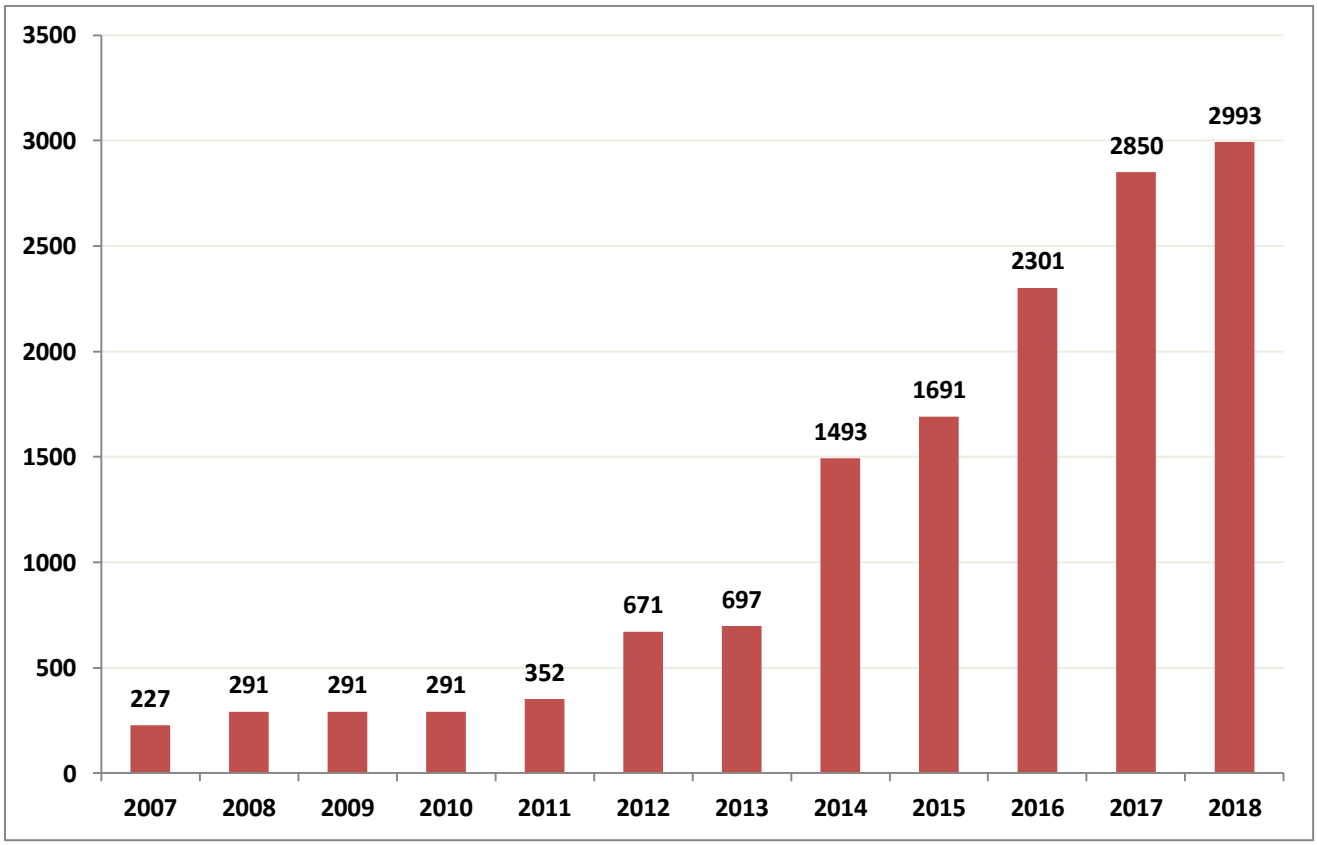

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2018 (TỶ ĐỒNG)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, Đức Long Gia Lai đã tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi thực hiện phát hành thành công 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là BOT, linh kiện điện tử, năng lượng, xây dựng và dịch vụ bất động sản.

- ***Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:*** Hiện nay, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy tại Hàn Quốc và Trung Quốc. Trong năm, Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu

khắc khe về môi trường ở các nước sở tại.

- ***Lĩnh vực năng lượng***: Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời).
- ***Lĩnh vực BOT, xây dựng và dịch vụ bất động sản***: Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:

✓ Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.

✓ Trong hoạt động xây dựng của Công ty. Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
- Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị trí phát sinh tiếng ồn cao

***Lĩnh vực BOT, xây dựng và dịch vụ bất động sản*:** Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm

tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý

❖ Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.

❖ Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày.

❖ Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.

- Biện pháp kỹ thuật

❖ Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển.

❖ Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.

❖ Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

❖ Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

❖ Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.

❖ Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường… được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.

- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải

❖ Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.

❖ Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.

❖ Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐLGL không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa ĐLGL trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam

ĐLGL luôn tuân thủ việc đóng thuế cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn, Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà ĐLGL đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, trong đó có việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ngoài nỗ lực của Chính phủ còn cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. ĐLGL luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 có những bước chuyển biến tích cực. Năm 2018 đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, có chỉ tiêu cao hơn Quốc hội giao, cao hơn chỉ tiêu ghi trong Nghị quyết 01 của Chính phủ. Trong năm qua, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng GDP năm 2018 của đất nước đạt 7,08% cao nhất trong 10 năm qua. Sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ ở mức cao, tăng hơn 11,4%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn tiếp tục tăng trưởng ấn tượng 13,7%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,7%. Khách quốc tế trong năm đạt 15,5 triệu lượt, tăng 11,7%. Xuất siêu ở mức kỷ lục 7,2 tỷ USD. Thành lập mới doanh nghiệp tiếp tục tăng mạnh. Các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký tăng 14,1%, tổng vốn đăng ký mới và bổ sung đạt hơn 3,8 triệu tỷ đồng. Hơn 34 nghìn doanh nghiệp trở lại hoạt động.
- Nền kinh tế Việt Nam nhiều khả năng sẽ tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhờ nhu cầu nội địa được duy trì, điều kiện kinh doanh được cải thiện, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.
- Bên cạnh sự phát triển đầy triển vọng, vẫn tiềm ẩn những rủi ro đang tích tụ. Trong bối cảnh thương mại Việt Nam có độ mở cao, dư địa chính sách tài khóa và tiền tệ còn hạn chế, Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động bên ngoài. Căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư cũng như đầu tư nước ngoài. Trong nước, cải cách doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng chậm lại có thể ảnh hưởng đến viễn cảnh tăng trưởng và gia tăng các nghĩa vụ cho khu vực công.
- Những tồn tại của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) không phải là ngoại lệ.

- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2018, ĐLGL có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

❖ **Thuận lợi:**

Trong năm 2018, nền kinh tế tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhờ nhu cầu nội địa được duy trì, điều kiện kinh doanh được cải thiện, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.

Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực… và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

Có mục tiêu, chiến lược phát triển đúng đắn do HĐQT đề ra, được các kỳ Đại hội cổ đông thông qua, là cơ sở cho việc định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

❖ **Những khó khăn, thách thức:**

Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn.

Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của ĐLGL, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

- **Hoạt động đầu tư:**

Năm 2018, được đánh giá là năm thành công trong hoạt động đầu tư của Đức Long Gia Lai. Một số sự kiện đầu tư nổi bật trong năm là:

❖ Tháng 11/2018, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) hoàn thành thủ tục mua lại toàn bộ dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp 5 sao Bình An – Phước Bửu tại Bà Rịa – Vũng Tàu, với quy mô 21,4 ha, dự kiến sẽ hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2020. Đức Long Gia Lai tiếp tục triển khai các dự án đầu tư bất động sản tại TP.HCM trong giai đoạn 2019 - 2025 và các năm tiếp theo.

- Đức Long Gia Lai đã làm việc với Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh để hoàn tất thủ tục trình UBND thành phố Hồ Chí Minh xem xét chủ trương đầu tư Dự án đầu tư đường Tam Tân và nút xoay cầu An Hạ bằng hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng;
- Các dự án đầu tư theo hình thức BT trên sẽ đem về cho ĐLGL các khu đất tiềm năng tại các cơ sở để ĐLGL đẩy mạnh đầu tư, phát triển mạnh mẽ bất động sản trong giai đoạn 2018 - 2022 và các giai đoạn tiếp theo;
- Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng của Dự án Điện mặt trời Thuận Nam Đức Long tại tỉnh Ninh Thuận và Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 9 tại tỉnh Bình Thuận, dự kiến hoàn hoàn thành xây dựng vào Quý IV/2019. Bên cạnh đó, ĐLGL đang hoàn chỉnh các thủ tục xin chủ trương đầu tư các dự án điện gió và điện mặt trời tại các tỉnh Gia Lai và Đăk Lăk….;
- Đức Long Gia Lai hoàn thiện việc lắp ráp thiết bị nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng; và các dự án thủy điện nhỏ và vừa khác tại các tỉnh Lâm Đồng, Đăk Nông, Kon Tum.
- Kết quả đạt được của các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư 2018 một lần nữa khẳng định chiến lược đúng đắn của HĐQT trong việc lựa chọn đầu tư các lĩnh vực đầu tư trọng điểm, thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc và nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành ở từng thời điểm cụ thể. Các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đều đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban lãnh đạo ĐLGL, sẵn sàng song hành cùng Đức Long Gia Lai trong những chặng đường sắp tới. Với những nền tảng đạt được trong năm 2018, bước sang năm 2019, ĐLGL khẳng định sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư.

Tình hình tài sản

Đvt: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng 2018/2017	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.766	79.632	-294.134	-78,69%
Đầu tư ngắn hạn	297.462	264.000	-33.462	-11,25%
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.056.915	2.950.478	893.563	43,44%
Hàng tồn kho	541.211	745.032	203.821	37,66%
Tài sản ngắn hạn khác	28.627	22.533	-6.094	-21,29%
Tổng tài sản ngắn hạn	**3.297.981**	**4.061.676**	**763.695**	**23,16%**
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	1.252.611	801.838	-450.773	-35,99%
Tài sản cố định	2.664.947	2.992.447	327.500	12,29%
Bất động sản đầu tư	105.326	103.350	-1.976	-1,88%
Tài sản dở dang dài hạn	660.713	405.373	-255.340	-38,65%
Các khoản đầu tư dài hạn	29.040	28.449	-591	-2,04%
Tài sản dài hạn khác	301.872	319.125	17.253	5,72%
Tổng tài sản dài hạn	**5.014.509**	**4.650.582**	**-363.927**	**-7,26%**
Tổng tài sản	**8.312.490**	**8.712.258**	**399.768**	**4,81%**

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng 2018/2017	% tăng giảm
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	1.759.611	2.531.881	772.270	43,89%
Nợ dài hạn	3.201.120	2.698.222	-502.898	-15,71%
Tổng nợ	**4.960.731**	**5.230.103**	**269.372**	**5,43%**
Vốn chủ sở hữu				
Vốn chủ sở hữu	**3.351.760**	**3.482.323**	**130.563**	**3,9%**
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.850.578	2.993.097	142.519	5%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	180.792	42.003	-138.789	-76,77%
Tổng nguồn vốn	**8.312.491**	**8.712.258**	**399.767**	**4,81%**

Một số yếu tố khác

❖ Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

❖ **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ***Công tác quản trị:*** Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

❖ Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;

❖ Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GDCK thành phô Hồ Chí Minh;

❖ Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động;

❖ Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

- ***Công tác nhân sự - lao động:***

❖ Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGĐ, KTT, các Cty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;

❖ Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện

làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

- Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên ĐLGL đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.
- Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: 08/3, 30/4, 01/5, 2/9, 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp 1/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ Tập đoàn ...

- ***Thi đua khen thưởng:***

Với sự nổ lực không ngừng nghỉ, năm qua Tập đoàn đã được UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc Khối Doanh nghiệp; tập thể Tập đoàn và cá nhân Chủ tịch HĐQT được tặng nhiều bằng khen của các bộ, ngành TW.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2019, dự báo tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng cao hơn năm 2018 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro; xu hướng bảo hộ vẫn gia tăng. Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gay gắt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với chúng ta. Ở trong nước, nền kinh tế còn nhiều tồn tại, yếu kém. Dư địa chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng hạn hẹp. Việc cơ cấu lại nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực trọng yếu đòi hỏi nguồn lực và thời gian thực hiện. Nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia và ứng phó biến đổi khí hậu rất lớn trong khi nguồn lực còn hạn hẹp.

Trên cơ sở đánh giá tình hình SXKD năm 2018, theo dõi dự báo và nhận định tình hình nền kinh tế trong nước và thế giới, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản

xuất kinh doanh năm 2019 và các năm tiếp theo, thông qua Đại hội cổ đông kỳ này, như sau:

- ***Mục tiêu, định hướng***: Thực hiện mục tiêu, định hướng chiến lược của *Đức Long Gia Lai* trong năm 2019 và các năm tiếp theo, là: Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Cơ sở hạ tầng; Bất động sản; Năng lượng; Sản xuất linh kiện điện tử. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả.
- ***Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2019:***

CHỈ TIÊU	2019	2020
- Doanh thu	4.000	5.200
- Lợi nhuận sau thuế	250	350

- Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2019:

❖ Đẩy mạnh tiến độ thi công các Dự án: Dự án thủy điện Tân Thượng, các dự án thủy điện khác trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; các Dự án Bất động sản tại TP.Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,…để góp phần tăng doanh thu của ĐLGL trong năm 2019 và những năm tiếp theo;

❖ Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng đã được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: Dự án đường Tam Tân và Nút xoay An Hạ thành phố Hồ Chí Minh, Dự án đường cao tốc Bắc - Nam, các Dự án Bất động sản ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, các dự án điện mặt trời tại Đăk Lăk, Bình Thuận, Ninh Thuận… Ngoài ra, ĐLGL sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn các tỉnh, thành phố để phục vụ cho mục tiêu, định hướng chiến lược đã đề ra;

❖ Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc quản lý chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận;

❖ Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ song song với công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh ĐLGL ngày càng

trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại. Làm tốt công tác công bố thông tin đúng quy định hiện hành;

- Chủ động cân đối nguồn vốn hiện có của đơn vị thông qua việc tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu hiệu quả, giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi có thể phát sinh.
- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, các định chế tài chính và khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.
- Trong công tác quản lý, điều hành: Bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGĐ, phát huy vai trò chủ động của các thành viên trong Ban TGĐ, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.
- Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ĐLGL. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- ***Về an sinh xã hội***: Trong năm qua, ĐLGL đã đóng góp tích cực vào công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao của tỉnh nhà. Tham gia là nhà tài trợ chính cho các chương trình nghệ thuật, văn hóa phục vụ cộng đồng của tỉnh nhà; thăm và tặng 200 phần quà cho người nghèo, nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai; Với những đóng góp trong công tác thiện nguyện thời gian qua, Tập đoàn Đức Long Gia Lai vinh dự được Hội chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai trao tặng Bằng khen "Tấm lòng vàng nhân đạo".
- ***Về công tác bảo vệ môi trường***: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực

sản xuất kinh doanh nên ĐLGL đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

- ĐLGL đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của ĐLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. ĐLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.
- Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2018 đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, có chỉ tiêu cao hơn Quốc hội giao, cao hơn chỉ tiêu ghi trong Nghị quyết 01 của Chính phủ. Trong năm qua, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng GDP năm 2018 của đất nước đạt 7,08% cao nhất trong 10 năm qua. Sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ ở mức cao, tăng hơn 11,4%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn tiếp tục tăng trưởng ấn tượng 13,7%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,7%. Khách quốc tế trong năm đạt 15,5 triệu lượt, tăng 11,7%. Xuất siêu ở mức kỷ lục 7,2 tỷ USD. Thành lập mới doanh nghiệp tiếp tục tăng mạnh. Các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký tăng 14,1%, tổng vốn đăng ký mới và bổ sung đạt hơn 3,8 triệu tỷ đồng. Hơn 34 nghìn doanh nghiệp trở lại hoạt động.

Tuy nhiên, cơ hội luôn đi song hành với thử thách, cả nước vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, năng suất lao động chưa cao; một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng thấp; tình hình sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn, nhiều cơ chế chính sách còn bất cập; nhiều doanh nghiệp mới được thành lập nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực rườm rà, phức tạp,…

Trong bối cảnh đó, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống

đang hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

Chủ trương đúng đắn đó đã được thể hiện qua những kết quả mà Đức Long Gia Lai đã phấn đấu đạt được trong năm 2018, như sau:

Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty đã được triển khai thông suốt, đem lại hiệu quả khá tốt, tập trung vào các lĩnh vực: Linh kiện điện tử, xây dựng dân dụng, chế biến gỗ, đá, bất động sản, kinh doanh thương mại - dịch vụ... Hàng hóa, sản phẩm của Đức Long Gia Lai luôn được đánh giá cao về mẫu mã, chất lượng, giá cả hợp lý.

Kết thúc năm tài chính 2018, doanh thu thực hiện được 2.916,8 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù kết quả lợi nhuận chưa đáp ứng được chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội cổ đông năm 2018 đề ra, nhưng HĐQT đã có những chiến lược kinh doanh để đảm bảo được quyền lợi của cổ đông.

Công tác đầu tư

Năm 2018, đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng đối với Đức Long Gia Lai, đó là:

- ***Về lĩnh vực năng lượng tái tạo***: Đức Long Gia Lai hoàn thiện việc lắp ráp thiết bị nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng. Đức Long Gia Lai đã được UBND các tỉnh đồng ý cho lập dự án đầu tư và đề xuất bổ sung quy hoạch các dự án điện năng lượng mặt trời Thuận Nam Đức Long tại Ninh Thuận, Dự án điện năng lượng mặt trời Vĩnh Hảo 9 tại tỉnh Bình Thuận; các dự án thủy điện trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ…;
- ***Về lĩnh vực đầu tư khách sạn - nghỉ dưỡng***: Hàng loạt các khách sạn, khu nghỉ dưỡng được khởi động quyết liệt: thi công Khách sạn 04 sao Đức Long Gia Lai; hoàn thành thủ tục mua lại toàn bộ dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp 5 sao Bình An – Phước Bửu tại Bà Rịa – Vũng Tàu, với quy mô 21,4 ha, dự kiến sẽ hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2020.
- Lập thủ tục phát triển đầu tư nhiều dự án bất động sản tại Thành phố Hồ Chí

Minh. Ngoài các dự án đã và đang triển khai, như: Dự án New Land - Quận 8, Dự án Western Park - Quận Bình Tân; Đức Long Gia Lai đã khởi động các dự án Gò Ô Môi, Dự án Nguyễn Thị Thập - Quận 7, và nhiều dự án khác tại thành phố Hồ Chí Minh,…;

Về công tác đối ngoại

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao. HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí…, đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

HĐQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Tổng Giám đốc quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tính tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên đều xử lý rác thải nội bộ, và hợp đồng với chính quyền địa phương để xử lý rác công cộng. Bênh cạnh đó, công ty trồng và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGĐ có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGĐ thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGĐ điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGĐ và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã miễn nhiệm ông Nguyễn Đình Trạc và tiến hành bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT mới: Ông Đào Đức Hạnh, ông Jaegyun Kim và ông Paul Anthony Murphy. Tuy nhiên vì điều kiện sức khỏe, ngày 29/12/2018, ông Đào Đức Hạnh đã nộp đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT. Hiện tại, HĐQT Công ty có 06 thành viên, gồm các Ông: Bùi Pháp, Phạm Anh Hùng, Nguyễn Trung Kiên, Đoàn Nguyên Tiêu, ông Jaegyun Kim và ông Paul Anthony Murphy. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm người có năng lực, kiến thức về kinh tế để có thể tư vấn cho HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về thành viên Hội đồng quản trị độc lập để bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế

quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. HĐQT đã ban hành 32 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao. Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, các thành viên HĐQT tự nguyện không nhận thù lao do không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận.

Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện việc thay đổi mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết công việc. Về công tác tổ chức, từ tháng 4/2018, Đức Long Gia Lai đã bổ nhiệm mới ông Nguyễn Trung Kiên làm Tổng Giám đốc thay thế cho ông Phạm Anh Hùng, bổ nhiệm ông Trần Cao Châu làm kế toán trưởng thay cho bà Vũ Thị Hải, đồng thời bổ nhiệm bà Vũ Thị Hải làm Phó Tổng Giám đốc tài chính. Việc thay đổi các nhân sự mới trên đây không nằm ngoài mục đích tăng cường các nhân sự có chất lượng cao vào bộ máy quản trị điều hành nhằm đổi mới quản lý, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược phát triển ngày càng mạnh mẽ và đi vào chiều sâu đã được các kỳ Đại hội cổ đông của Đức Long Gia Lai đề ra.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc trước và sau khi được củng cố đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng

Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường và chỉ đạo một cách sát sao, quyết liệt Ban Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGĐ điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Đức Long Gia Lai trung thành với chiến lược tái cấu trúc các ngành nghề đã được đề ra tại các kỳ đại hội trước đây, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: **"*Đổi mới - Phát triển - Chia sẻ - Đoàn kết - Tôn chỉ pháp luật*";** với mục tiêu:

"Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư đa ngành mạnh hàng đầu của Việt nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế".

- Định hướng của Đức Long Gia Lai trong thời gian đến sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT và PPP; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời); Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử; đồng thời sẽ đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống hiện đang đem lại hiệu quả.

Định hướng phát triển các ngành nghề như sau

- Về cơ sở hạ tầng: Trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được các cơ quan chức năng phê duyệt, Đức Long Gia Lai sẽ triển khai đầu tư các dự án có quy mô lớn về cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP), gồm: Hợp đồng BT, đổi đất lấy hạ tầng Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục đầu tư về hạ tầng các dự án giao thông đường bộ, sân bay, cảng biển… trong cả nước bằng các hình thức BOT và BT;

- Về bất động sản: Đức Long Gia Lai sẽ đầu tư mạnh vào bất động sản đa sản phẩm, tập trung tại Tp. Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngoài 03 dự án đã khởi công và bán hàng với 4.500 căn hộ, tổng mức đầu tư 7.000 tỷ đồng, sẽ hoàn thành, bàn giao

nhà vào năm 2021 - 2022; Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện thủ tục 02 Dự án khác để khởi công và bán hàng trong năm 2019. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đang tiếp tục tham gia dự thầu Dự án cơ sở hạ tầng theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng để đầu tư vào các phân khúc: Căn hộ, văn phòng, nhà thu nhập thấp, trung tâm thương mại và khu đô thị, mang thương hiệu sản phẩm bất động sản chất lượng cao Đức Long Gia Lai trong 5 - 10 năm tới;

Về bất động sản nghỉ dưỡng, nắm bắt chủ trương khuyến khích đầu tư vào kinh tế biển theo Nghị quyết của Chính phủ, Đức Long Gia Lai sẽ tập trung đầu tư vào các dự án khách sạn và khu du lịch nghỉ dưỡng ở ven biển thuộc các tỉnh, thành phố: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Phú Quốc… trong vòng 05 năm tới;

Về năng lượng: Việc bảo đảm năng lượng quốc gia, nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới là hết sức cấp thiết. Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nắm bắt cơ hội, Đức Long Gia Lai đang tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Ngoài 04 dự án thủy điện đã và đang đầu tư, Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện thủ tục để đầu tư 03 Dự án thủy điện tiếp theo trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. Tổng công suất các Nhà máy thủy điện tại Tây Nguyên dự kiến gần 250 KW. Hưởng ứng cơ chế khuyến khích phát triển các dự án mặt trời tại Việt Nam theo Quyết định số 11/QĐ-

TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đức Long Gia Lai đã đề xuất và được các tỉnh Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận chấp thuận cho nghiên cứu, bổ sung quy hoạch và đầu tư các dự án năng lượng mặt trời. Dự kiến Đức Long Gia Lai sẽ đầu tư vào lĩnh vực năng lượng mặt trời với tổng công suất khoảng 1.000 MW trong vòng 5 - 10 năm tới;

Đối với ngành sản xuất điện tử và linh kiện điện tử: Đức Long Gia Lai tập trung đầu tư chuyên sâu sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại các Nhà máy Ansen tại thành phố Đông Quản, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, Nhà máy DLG - HANBIT tại Seoul, Hàn Quốc và Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao tại Quận 9 thành phố HCM. Mở rộng đầu tư Nhà máy điện tử tại thành phố Đà Nẵng. Tái cấu trúc nhân sự và tài chính, đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, tổ chức liên doanh liên kết, mở rộng thị trường để sản xuất sản phẩm tiêu thụ tại các thị trường: Mỹ, Hàn Quốc, Nhật bản và Châu Âu nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận;

- Về nông nghiệp: Đức Long Gia Lai đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng chú trọng nông nghiệp hữu cơ, áp dụng công nghệ cao trên một số diện tích trồng chè và cà phê, hình thành nên một chuỗi khép kín các khâu, từ trồng - chế biến - xuất khẩu;

❖ Các lĩnh vực, ngành nghề truyền thống (Chế biến sản phẩm đồ gỗ, Bến xe bãi đỗ, Dịch vụ vệ sỹ và yếu nhân, Khai thác và chế biến khoáng sản…): Đầu tư chuyên sâu, đổi mới trang thiết bị và nhân lực để đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, giữ được thị trường, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận ổn định;

Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2019 - 2020:

Nền kinh tế Việt Nam sẽ bước sang năm 2019 với nhiều yếu tố thuận lợi. Dự báo khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2019 sẽ tạo điều kiện để thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Ở trong nước, yếu tố thuận lợi cơ bản là kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động đầu tư - kinh doanh. Đặc biệt, việc triển khai đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế... được kỳ vọng sẽ tạo cú huých mới cho kinh tế tư nhân phát triển.

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư của Đức Long Gia Lai năm 2018, dự báo tình hình kinh tế trong nước thời gian đến, HĐQT Đức Long Gia Lai đưa ra các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2019 - 2020, như sau (ĐVT: tỷ đồng):

CHỈ TIÊU	2019	2020
Doanh thu	4.000	5.200
Lợi nhuận sau thuế	250	350

Giải pháp tổ chức thực hiện:

Để thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động nâng cao năng lực điều hành, có kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác kiểm soát nội bộ, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng hiệu quả đồng vốn.
- Chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Thực hiện việc tinh giản và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV của Đức Long Gia Lai. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã nhiều năm kinh nghiệm, gắn bó với Đức Long Gia Lai, kết hợp với việc trẻ hóa

nguồn nhân lực có chất lượng. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ CBCNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài.

- Duy trì các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao phó.

Với thương hiệu, năng lực tài chính và kinh nghiệm quản trị điều hành, cùng nhiều cơ hội đầu tư đã và đang được triển khai là nhân tố hết sức thuận lợi cho Đức Long Gia Lai thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược của mình. Đức Long Gia Lai bước vào năm mới 2019 với thông điệp hành động **"*CHỦ TRƯƠNG LÀ MỘT, QUYẾT TÂM LÀ MƯỜI, HÀNH ĐỘNG LÀ MỘT TRĂM, NIỀM TIN LÀ MỘT NGHÌN*"**, giữ vững phương châm xuyên suốt: ***"ĐỨC LONG - ĐI LÀ ĐẾN",*** kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2019 - 2022, liên tục tăng trưởng về quy mô và hiệu quả.

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
1.	**Bùi Pháp**	Chủ tịch HĐQT	64.226.523	21,46%	- Chủ tịch HĐQT tại 9 công ty khác. - Chủ tịch HĐTV tại 3 công ty khác. - Ủy viên HĐQT tại 1 công ty khác.
2.	**Phạm Anh Hùng**	Ủy viên HĐQT	0	0	- Ủy viên HĐQT tại 3 công ty khác
3.	**Nguyễn Trung Kiên**	Ủy viên HĐQT	2.111.058	0,71%	- Chủ tịch HĐQT tại 1 công ty khác. - Chủ tịch HĐTV tại 1 công ty khác.

4.	**Đoàn Nguyên Tiêu**	Ủy viên HĐQT	0	0	- Ủy viên HĐTV tại 1 công ty khác.
5.	**Jaegyun Kim**	Ủy viên HĐQT	0	0	-
6.	**Paul Anthony Murphy**	Ủy viên HĐQT	0	0	-
7.	**Đào Đức Hạnh**	Ủy viên HĐQT – Đã từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 29/12/2018	0	0	-

Ông Bùi Pháp

- Năm sinh: 1962
- Trình độ: Chuyên viên kinh tế
- Quá trình công tác:

✓ 1995-12/06/2007: Gám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai

✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Pham Anh Hùng

- Năm sinh: 1972
- Trình độ: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

✓ 2000 - 2010: nhân viên kinh doanh nông sản công ty XNK Gia Lai.

✓ 11/2010 - 04/2011: Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 04/2011 - 31/12/2013: Trưởng ban đầu tư Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 01/01/2014 đến 3/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Nguyễn Trung Kiên – Tổng Giám đốc
(Đã bổ nhiệm ngày 01/4/2018)

Năm sinh: 1974

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

✓ 1999 - 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.

✓ 03/2003 - 02/2007: Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.

✓ 03/2007 - 08/2010: Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 10/2010 – 3/2018 : Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông

✓ 01/04/2018 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Đoàn Nguyên Tiêu

Năm sinh: 1976

Trình độ: Tiến sỹ kinh tế

❖ Quá trình công tác:

✓ Từ 01/2002 -5/2006: Giáo sư trợ giảng City University of New York

✓ Từ 06/2006-08/2008: Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.

✓ Từ 06/2008 – 02/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp

✓ Từ 08/2009 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc.

✓ Từ tháng 11/2014 - nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Jaegyun Kim

Năm sinh: 1963

Quá trình công tác:

✓ 04/1997 - 05/2000: Tổng Giám đốc Nhóm hoạt động tài khoản riêng của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ SK

✓ 02/2003 - 07/2005: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Saehan IT

✓ 04/2010 - 03/2014: Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Điện Tử Sejin

✓ 04/2011 - 11/2014: Giám đốc điều hành và Chủ tịch tại Công ty Điện tử Hanbit (công ty con của Sejin Electron)

✓ 07/2012 - 01/2014: Giám đốc điều hành và Phó Chủ Tịch cấp cao tại Công ty TNHH Mercury Asset Plus (công ty con của Sejin Electron)

✓ 07/2016 – nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty điện tử DLG Hanbit

✓ 6/2018 – nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ Làm việc với tư cách là chuyên gia của nhiều vị trí trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính và Điện tử hơn 27 năm.

Ông Paul Anthony Murphy

Năm sinh: 1957

Quá trình công tác:

- ✓ 1991 – 2001: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech
- ✓ 2001 – 2004: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite
- ✓ 2004 – 2006: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT
- ✓ 2007 – 2008: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone
- ✓ 2008 – 2011: Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics
- ✓ 2011 - 2014: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen
- ✓ 2016 - nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen
- ✓ 6/2018 – nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Ông Đào Đức Hạnh

Ngày 29/12/2018, ông Đào Đức Hạnh đã nộp đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

Năm sinh: 1953

Trình độ: Cử nhân kinh tế

❖ Quá trình công tác:

- ✓ 1975 – 1977: Công tác thành đoàn Thanh Niên Hồ Chí Minh
- ✓ 1977 – 1980: Công tác tại Ủy ban cách mạng Tp. Hồ Chí Minh
- ✓ 1980 – 1987: Phó Tổng Giám đốc - Liên hiệp XNK Nhà Bè
- ✓ 1987 – 1989: Phó Tổng Giám đốc - Công ty XNK Nông Lâm Thủy Sản Hồ Chí Minh
- ✓ 1989 – 1993: Phó Tổng Giám đốc thường trực - Công ty XNK may Huy Hoàng Tp. Hồ Chí Minh
- ✓ 1993 – 2009: Giám đốc Công ty TNHH XD Giao thông TM Tân Á - TANACO và Giám đốc công ty Taxi đỏ
- ✓ 2009 – 10/2017: Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng giao thông Việt Nam
- ✓ 11/2017 đến 6/2018: Làm việc tại CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 6/2018 – 12/2018: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT cụ thể:

- Chánh văn phòng kiêm nhiệm Thư ký Tập đoàn.
- Ban Nội chính kiêm nhiệm công tác tổ chức thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền, kiểm soát nghiệp vụ.
- Các trợ lý Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ Trợ lý, tham mưu về chiến lược phát triển, kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2018:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	29/04/2017		25/25	100%	-
2	Ông Nguyễn Đình Trạc	Thành viên	14/04/2012	29/04/2017	23/6/2018	16/25	64%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN 2018 ngày 23/6/2018
3	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	25/05/2013	29/04/2017		25/25	100%	-

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
4	Ông Phạm Anh Hùng	Thành viên	25/05/2013	29/04/2017		25/25	100%	-
5	Ông Đoàn Nguyên Tiêu	Thành viên	27/11/2014	29/04/2017		25/25	100%	-
6	Ông Đào Đức Hạnh	Thành viên	23/6/2018	-		8/25	32%	- Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN 2018 ngày 23/6/2018; - Có đơn từ nhiệm từ ngày 29/12/2018
7	Ông Jaegyun Kim	Thành viên	23/6/2018	-		7/25	28%	- Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN 2018 ngày 23/6/2018; - Sinh sống và làm việc tại nước ngoài.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
8	Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/6/2018	-		7/25	28%	- Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN 2018 ngày 23/6/2018; - Sinh sống và làm việc tại nước ngoài.

Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	10/QĐ-HĐQT	21/01/2018	Về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại công ty TNHH khai thác khoáng sản Đức Sang Gia Lai.
2	12/QĐ-HĐQT	31/01/2018	Về việc miễn chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đối với ông Phan Xuân Viên.
3	01/NQ-HĐQT-ĐLGL	03/02/2018	Về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	14/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/02/2018	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Trung Kiên
5	15/QĐ-HĐQT	05/02/2018	Về việc đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2017
6	18/QĐ-HĐQT-ĐLGL	10/02/2018	Về việc ban hành sổ tay nhân viên
7	21/QĐ-HĐQT-ĐLGL	12/3/2018	Về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
8	22/QĐ-HĐQT	31/3/2018	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư Quý I/2018 và phương hướng hoạt động thời gian tới
9	02/ QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/3/2018	Về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty đối với ông Phạm Anh Hùng và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc công ty đối với ông Nguyễn Trung Kiên
10	03/ QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/3/2018	Về việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng công ty đối với bà Vũ Thị Hải và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng công ty với ông Trần Cao Châu.
11	04/ QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/3/2018	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc công ty phụ trách tài chính đối với bà Vũ Thị Hải.
12	25/QĐ-HĐQT	10/4/2018	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
13	26/QĐ-HĐQT	04/5/2018	Về việc tăng vốn góp tại Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai
14	27/QĐ-HĐQT	14/5/2018	Về ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
15	30/QĐ-HĐQT-ĐLGL	30/5/2018	Về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	31/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/6/2018	Về việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng
17	32/QĐ-HĐQT-ĐLGL	08/6/2018	Về việc thông qua các hồ sơ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
18	34/QĐ-HĐQT-ĐLGL	18/6/2018	Về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai
19	35/QĐ-HĐQT-ĐLGL	18/6/2018	Về việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại công ty TNHH Đức Long Dung Quất
20	36/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/6/2018	Về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần công ty CP trồng rừng và cây công nghiệp Đức Long Gia Lai
21	37/QĐ-HĐQT	23/6/2018	Về việc phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
22	39/QĐ-HĐQT	10/7/2018	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý II/2018, triển khai kế hoạch các tháng cuối năm 2018
23	40/QĐ-HĐQT	10/7/2018	Về việc không thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần công ty CP đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai
24	42/QĐ-HĐQT-ĐLGL	10/8/2018	Về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017
25	45/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/8/2018	Về việc mua cổ phần tại công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ khi thực hiện cổ phần hóa thành công ty CP Chè Biển Hồ
26	46/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/8/2018	Về việc mua cổ phần tại công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai khi thực hiện cổ phần hóa thành công ty CP Cà phê Gia Lai
27	48/QĐ-HĐQT-ĐLGL	17/9/2018	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu
28	53/QĐ-HĐQT	02/10/2018	Về việc thành lập văn phòng đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại Bà Rịa – Vũng Tàu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
29	54B/QĐ-HĐQT-ĐLGL	02/10/2018	Về việc đánh giá tình hình thực hiện quý 3 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4
30	55/QĐ-HĐQT-ĐLGL	12/10/2018	Về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung 14.251.905 cổ phiếu
31	61/QĐ-HĐQT-ĐLGL	13/12/2018	Về việc tăng vốn góp tại Công ty CP Đức Long Đà Nẵng
32	65/QĐ-HĐQT-ĐLGL	29/12/2018	Về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại công ty CP Đức Long Đà Nẵng

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty chưa đáp ứng được tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập, theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định 71/2018/NĐ-CP. Công ty cam kết trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 sẽ thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập để đáp ứng đúng theo quy định của pháp luật.

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/4/2015	29/04/2017	05/05	0	0	-
2.	Võ Sỹ Việt	Thành viên BKS	29/4/2017	-	05/05	0	0	-
3.	Trần Cao Châu	Thành viên BKS	16/4/2016	29/04/2017	01/05	525.000	0,175%	Miễn nhiệm TV BKS từ ngày 30/3/2018
4.	Đặng Thị Hà	Thành viên BKS	23/6/2018	-	03/05	0	0	Bổ nhiệm TV BKS tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 23/6/2018

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp quý 4 và tổng kết năm 2017.	05/01/2018	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 4, tổng kết năm 2017 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2018.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%.
2	Phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban	02/04/2018	Ngày 30/03/2018, nhận đơn từ nhiệm của ông Trần Cao Châu, BKS tiến hành họp để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 02/02 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng đầu năm 2018	16/06/2018	Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm, xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2018	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 02/02 thành viên, đạt 100%
4	Phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban	25/06/2018	Tại ĐHĐCĐ thường niên 2018 bầu bổ sung TV BKS, BKS tiến hành họp để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
5	Họp 6 tháng cuối năm 2018	31/12/2018	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2019.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGĐ.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban

TGĐ cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao được tốt hơn.

- Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2018 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Tập đoàn.
- Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông

Đánh giá của ban kiểm soát

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2018 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
- HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.
- HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2018, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.
- Ban TGĐ chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu

hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGĐ và các Cổ đông

- Tính đến thời điểm 31/12/2018, Ban TGĐ có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2018, Ban TGĐ và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bào quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGĐ được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- HĐQT và Ban TGĐ đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch thực hiện năm 2019; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên năm 2018 theo đúng quy định.
- BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGĐ. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGĐ, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, đáp ứng được quy mô phát triển ngày càng cao trong hoạt động đầu tư và kinh doanh của Tập đoàn. Tạo tiền đề tích cực không chỉ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018, mà còn là cơ sở cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong các năm tiếp theo. BKS kiến nghị HĐQT và Ban TGĐ như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhóm ngành kinh doanh hiện có.
- Tiếp tục hoạch định và phát triển các nhóm ngành nghề truyền thống, tập trung phát triển trong nước các dự án có tính chiến lược, có quy mô lớn và dài hạn. Về đầu tư ra nước ngoài, ngoài việc tăng cường kiểm soát hiệu quả kinh doanh tại các nước đã đầu tư, Tập đoàn cần phải mở rộng công tác khảo sát và đầu tư hơn nữa sang những thị trường tiềm năng khác.
- Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới.
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong việc tổ chức thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Tập đoàn.
- Hoạch định đầu tư phát triển, có chính sách phù hợp để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, định mức có tính khoa học để phản ảnh đầy đủ các mặt sản xuất kinh doanh, nhằm đo lường đánh giá chuẩn xác quá trình điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của từng cấp quản lý.
- Tăng cường công tác dự báo, đề ra các giải pháp khắc phục phù hợp để kiểm soát và hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

***Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi* ích:**

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, đã thông qua lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS. Cụ thể như sau:

- Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:

❖ Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;

❖ Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:

❖ 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;

❖ 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

- Trong năm 2018, lương của Ban Tổng giám đốc là 602,9 triệu đồng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng
			Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	
1.	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	53.168.118	18,65%	64.226.523	21,46%	- Mua thêm cổ phiếu; - Nhận cổ tức năm 2017 bằng CP
2.	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	10.532	0,004%	2.111.058	0,71%	- Mua thêm cổ phiếu; - Nhận cổ tức năm 2017 bằng CP
3.	Trần Cao Châu	Kế toán trưởng	0	0%	525.000	0,18%	- Mua thêm cổ phiếu; - Nhận cổ tức năm 2017 bằng CP

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Quy chế quản trị Tập đoàn đã được điều chỉnh để phù hợp với Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 6/6/2018 và Thông tư 95/2018/TT-BTC ngày 22/9/2018. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGĐ cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 724/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 15/04/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đính kèm từ trang 7 đến trang 67, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 8, nợ phải thu Tập đoàn Xây dựng Cầu đường, Thủy lợi, Xuất nhập khẩu Daohuensong & Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Một thành viên Lào ("Daohuensong") liên quan đến Hợp đồng hợp tác số 0062/HĐHT/2014 ngày 04/11/2014 về việc hợp tác xây dựng 05 cây cầu bê tông từ bản Lăng Khăng đến bản Pạc Nậm Phạ Năng, Huyện Bua Lạ Pha, Tỉnh Khăm Muồn, Lào tại thời điểm 31/12/2018 là 126.374.463.675 đồng. Theo điều khoản thanh toán của hợp đồng thì Daohuensong sẽ thanh toán khoản nợ trên cho Công ty khi được Chủ dự án (Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Khăm Muồn, Lào) thanh toán. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản nợ này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:3108-2014-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 31 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/11/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: *2.993.097.200.000 đồng.*

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: *2.993.097.200.000 đồng.*

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0269.3748367
- Fax: (84) 0269.3747366
- Email: duclong@duclonggroup.com
- Website: www.duclonggroup.com

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mủ cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mủ cốm; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thuỷ tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mủ cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 164 người. Trong đó cán bộ quản lý 12 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 02/05/2017
• Ông Phạm Anh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017
• Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017
• Ông Đoàn Nguyên Tiêu	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017
• Ông Đào Đức Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2018
• Ông Jaegyun Kim	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2018
• Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2018
• Ông Nguyễn Đình Trạc	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017
		Miễn nhiệm ngày 23/06/2018

Ban Kiểm soát

• Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03/05/2017
• Ông Võ Sỹ Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2017
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Trung Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2018
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/02/2018
		Miễn nhiệm ngày 01/04/2018
• Ông Phạm Anh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2014
		Miễn nhiệm ngày 01/04/2018
• Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2010
• Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2017
• Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2018
• Ông Trần Cao Châu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/04/2018
• Bà Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09/07/2013
		Miễn nhiệm ngày 01/04/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện nổi bật trong năm tài chính

Ngày 19/06/2018, Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông đã có Quyết định số 951/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Khoản 5, Điều 1, Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 14/03/2014 của Chủ tịch UBND Đắk Nông về việc phê duyệt phương án tài chính điều chỉnh dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817 -:- Km887 theo hình thức BOT. Theo đó, tại điểm 5.2.12 của Quyết định số 951/QĐ-UBND về kết quả phương án tài chính điều chỉnh qui định thời gian hoàn vốn của dự án là 9 năm 2 tháng 9 ngày. Tuy nhiên, đến ngày 11/04/2019, Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông đã có văn bản số 1612/UBND-CNXD cho phép Công ty Cổ phần BOT&BT Đức Long Đắk Nông năm 2018 vẫn thực hiện theo mức thu phí, hoàn vốn cũ, chưa thực hiện việc điều chỉnh tăng mức hoàn vốn theo quy định tại Khoản 5.2.12 Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 và kéo dài áp dụng tạm thời mức thu phí hiện tại cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh mức thu phí mới theo quy định. Theo đó, khấu hao tài sản cố định dự án nâng cấp, mở rộng rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817 -:- Km887 theo hình thức BOT đang được thực hiện theo thời gian hoàn vốn cũ (trước khi có Quyết định 951/QĐ-UBND).

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 5900415863 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Nguyễn Trung Kiên
Gia Lai, ngày 16 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 724/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 15/04/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đính kèm từ trang 7 đến trang 67, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 8, nợ phải thu Tập đoàn Xây dựng Cầu đường, Thủy lợi, Xuất nhập khẩu Daohuensong & Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Một thành viên Lào ("Daohuensong") liên quan đến Hợp đồng hợp tác số 0062/HĐHT/2014 ngày 04/11/2014 về việc hợp tác xây dựng 05 cây cầu bê tông từ bản Lăng Khăng đến bản Pạc Nậm Phạ Năng, Huyện Bua Lạ Pha, Tỉnh Khăm Muồn, Lào tại thời điểm 31/12/2018 là 126.374.463.675 đồng. Theo điều khoản thanh toán của hợp đồng thì Daohuensong sẽ thanh toán khoản nợ trên cho Công ty khi được Chủ dự án (Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Khăm Muồn, Lào) thanh toán. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản nợ này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:3108-2014-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**4.061.675.893.273**	**3.297.982.197.168**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	5	**79.631.825.874**	**373.765.558.712**
1.	Tiền	111		79.631.825.874	362.212.184.207
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	11.553.374.505
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**264.000.000.000**	**297.462.372.053**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	6	264.000.000.000	282.423.265.980
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.a	-	15.039.106.073
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**2.950.478.217.703**	**2.056.915.341.316**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	812.813.454.107	702.722.858.712
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	519.323.226.758	253.598.813.404
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10.a	1.413.060.631.595	989.399.424.338
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	239.001.937.928	133.299.064.653
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(33.721.032.685)	(22.104.819.791)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	13	**745.032.164.249**	**541.211.555.289**
1.	Hàng tồn kho	141		766.308.887.273	561.279.373.724
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.276.723.024)	(20.067.818.435)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**22.533.685.447**	**28.627.369.798**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	441.520.431	66.918.097
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.772.483.509	28.196.516.906
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	1.319.681.507	363.934.795
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**4.650.582.071.111**	**5.014.509.234.882**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**801.837.827.417**	**1.252.611.212.942**
1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	10.b	476.062.735.933	752.538.483.608
2.	Phải thu dài hạn khác	216	11.b	325.775.091.484	500.072.729.334
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.992.446.912.133**	**2.664.947.443.713**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	15	2.914.850.260.682	2.582.615.490.815
	- Nguyên giá	*222*		*4.278.653.992.223*	*3.486.817.112.645*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.363.803.731.541)*	*(904.201.621.830)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	16	77.596.651.451	82.331.952.898
	- Nguyên giá	*228*		*217.496.610.859*	*204.656.915.081*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(139.899.959.408)*	*(122.324.962.183)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	17	**103.350.161.477**	**105.325.728.461**
	- Nguyên giá	231		122.870.111.864	122.870.111.864
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.519.950.387)	(17.544.383.403)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**405.373.448.492**	**660.713.035.677**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	405.373.448.492	660.713.035.677
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**28.449.218.259**	**29.039.631.433**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.b	27.429.218.259	26.819.631.433
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.c	1.500.000.000	2.700.000.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.c	(480.000.000)	(480.000.000)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**319.124.503.333**	**301.872.182.656**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	53.452.796.141	43.177.553.475
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	19.181.859.219	18.374.236.778
3.	Lợi thế thương mại	269	20	246.489.847.973	240.320.392.403
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**8.712.257.964.384**	**8.312.491.432.050**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**5.230.103.182.215**	**4.960.731.768.102**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**2.531.881.048.346**	**1.759.611.933.187**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	560.834.991.582	495.283.480.952
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22.a	334.804.583.386	88.275.687.487
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	80.590.623.961	104.802.680.195
4.	Phải trả người lao động	314		50.774.579.301	37.975.832.415
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	204.768.326.824	156.947.658.897
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	175.454.546	122.727.273
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	26.a	256.344.239.759	133.260.441.440
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27.a	1.037.911.728.795	743.495.289.336
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	28	2.496.285.000	-
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.180.235.192	(551.864.808)
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.698.222.133.869**	**3.201.119.834.915**
1	Phải trả dài hạn khác	337	26.b	4.390.768.297	4.000.000.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27.b	2.676.349.316.203	3.181.786.535.905
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29	17.482.049.369	12.091.150.520
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	28	-	3.242.148.490
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**3.482.154.782.169**	**3.351.759.663.948**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**3.482.322.728.891**	**3.351.759.663.948**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	30	2.993.097.200.000	2.850.578.150.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.993.097.200.000*	*2.850.578.150.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	30	50.510.908.328	50.510.908.328
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	30	16.564.571.254	12.678.454.700
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418	30	6.196.436.959	6.196.436.959
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30	42.003.230.080	180.792.184.488
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*33.873.134.488*	*123.485.602.592*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*8.130.095.592*	*57.306.581.896*
6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	31	373.950.382.270	251.003.529.473
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**(167.946.722)**	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		(167.946.722)	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**8.712.257.964.384**	**8.312.491.432.050**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Trung Kiên	Trần Cao Châu	Nguyễn Thị Như Huyền

Gia Lai, ngày 15 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	2.916.841.652.989	2.913.844.748.638
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	2.549.203.055	16.335.351.010
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.914.292.449.934	2.897.509.397.628
4.	Giá vốn hàng bán	11	35	2.483.969.317.285	2.409.618.055.682
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ**	**20**		**430.323.132.649**	**487.891.341.946**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	161.664.449.009	153.392.064.537
7.	Chi phí tài chính	22	37	342.436.106.280	352.360.756.197
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*329.332.578.988*	*350.324.190.859*
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		25.586.826	204.161.456
9.	Chi phí bán hàng	25	38.a	27.430.234.006	41.173.480.017
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.b	193.870.330.971	171.850.630.786
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**28.276.497.227**	**76.102.700.939**
12.	Thu nhập khác	31	39	24.085.705.731	21.643.901.670
13.	Chi phí khác	32	40	15.813.223.139	8.994.165.515
14.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**8.272.482.592**	**12.649.736.155**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**36.548.979.819**	**88.752.437.094**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		17.662.306.779	23.586.932.274
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.533.543.670	5.803.631.236
18.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**14.353.129.370**	**59.361.873.584**
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.169.856.720	57.306.581.896
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.183.272.650	2.055.291.688
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	27	181
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	41	27	181

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Trung Kiên	Trần Cao Châu	Nguyễn Thị Như Huyền

Gia Lai, ngày 15 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**		**36.548.979.819**	**88.752.437.094**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15,16,17,20	166.373.639.306	156.743.198.011
-	Các khoản dự phòng	03		14.962.655.158	10.171.827.182
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	37	10.563.566.670	1.381.231
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	36,37,39, 40	(154.455.265.572)	(169.168.008.280)
-	Chi phí lãi vay	06	37	329.332.578.988	350.324.190.859
3.	***LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động***	**08**		**403.326.154.369**	**436.825.026.097**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		201.784.469.129	(468.145.995.153)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(138.007.901.651)	(122.256.828.267)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		55.998.152.955	133.750.824.572
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(961.039.260)	(305.438.726)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		18.423.265.980	18.423.265.980
-	Tiền lãi vay đã trả	14	24,26,37	(292.717.575.808)	(326.594.392.528)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	23	(32.298.601.365)	(7.718.739.714)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(667.900.000)	(2.613.833.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**214.879.024.349**	**(338.636.110.739)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(173.354.857.572)	(278.324.959.343)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		32.042.027.045	27.701.082.727
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(791.999.817.636)	(1.583.244.499.147)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		799.633.474.262	1.329.813.994.337
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(317.761.517.126)	1.347.679.124
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.983.534.298	58.869.982.662
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,36	68.957.260.978	138.382.104.243
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(374.499.895.751)**	**(305.454.615.397)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		10.000.000	549.132.850.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33		1.499.104.629.384	1.443.673.435.903
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.632.733.179.994)	(1.075.341.207.025)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(133.618.550.610)**	**917.465.078.878**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**(293.239.422.012)**	**273.374.352.742**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	373.765.558.712	96.808.960.822
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(894.310.826)	3.582.245.148
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	**79.631.825.874**	**373.765.558.712**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Trung Kiên	Trần Cao Châu	Nguyễn Thị Như Huyền

Gia Lai, ngày 15 tháng 04 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 31 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/11/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất sản phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành, cà phê, chè...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn, ...), sản xuất hàng điện tử gia dụng.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mủ cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mủ cốm; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thuỷ tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mủ cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc tập đoàn

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và 11 Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn: Tập đoàn thoái vốn tại Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai ngày 20/06/2018 và mua lại 3 Công ty con, cụ thể: Mua lại 98,79% vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng ngày 06/06/2018; Mua lại 51% vốn góp tại Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai và Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 11 công ty)

1. ***Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai***

   - Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
   - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
   - Vốn điều lệ: 132.000.000.000 đồng.
   - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,86%.
   - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,86%.
   - Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 20/06/2018.

2. ***Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông***

   - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.
   - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
   - Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
   - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 70,6%.
   - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,6%.
   - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. ***Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai***

   - Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,49%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

4. *Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng*

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. *Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai*

- Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mủ cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mủ cốm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
- Vốn điều lệ: 360.500.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,86%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. *Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thượng*

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Hà Huy Tập, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ; Xây dựng công trình thủy công; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp); Xây dựng công trình công ích (Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu); Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện); Chuẩn bị mặt bằng (Khoan phụt, xử lý và gia công nền móng công trình xây dựng).
- Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%.
- Tình trạng hoạt động: Đang giai đoạn đầu tư.

7. *Công ty TNHH Mass Noble Investments*

- Địa chỉ trụ sở chính: Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town,Tortola, Quần đảoVirgin Islands thuộc Anh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình tại Hoa Kỳ và Châu Âu.
- Vốn điều lệ: 320.062.401.456 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,73%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,73%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

8. *Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai*

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ: 601.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 84,03%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 84,03%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

9. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,79%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,79%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

10. Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Mua bán nông sản; Trồng cây cà phê; Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp.
- Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

11. Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Pawh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê; Trồng cây cà phê; Chế biến chè, cà phê; Mua bán hàng nông sản; Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật.
- Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

Các Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gồm 5 công ty):

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng.Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 20,00%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 33,33%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 33,33%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. ***Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên***

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2018 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

4. **Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam**

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Vốn điều lệ: 2.280.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. **Công ty Cổ phần Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 08 Triệu Quang Phục, Phường Mỹ Hải, TP Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Tập đoàn bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 *Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 *Các khoản đầu tư tài chính*

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Tập đoàn nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được tập hợp cho từng sản phẩm, công trình.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án BOT được thực hiện theo Công văn số 6092/BTC-TCDN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính về việc "Khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với tài sản cố định hình thành từ dự án BOT". Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 50
Máy móc, thiết bị	4 – 20
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7
Cây lâu năm	6 - 20
Tài sản khác (Dự án BOT)	Theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu
Tài sản cố định khác	8 - 10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm kế toán	7
Chi phí triển khai	4
Quan hệ khách hàng khế ước	10

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50

4.10 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là:

- Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí xây lắp công trình được xác định theo các giá trị khối lượng đã xác nhận hoàn thành với nhà cung cấp nhưng chưa xuất được hóa đơn tài chính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.15 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Tập đoàn phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Tập đoàn do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Tập đoàn là khoản nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Tập đoàn đã nhận tiền trước.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận và có phiếu giá thanh toán.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.23 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.24 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.25 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế;
  - ✓ Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,…: Áp dụng thuế suất 10%;
  - ✓ Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt Nam với mức thuế suất là 20%.

  Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con ở nước ngoài thì áp dụng như sau:
  - ✓ Đối với các công ty được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế thu nhập doanh nhiệp của Virgin Islands thuộc Anh.
  - ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.
  - ✓ Đối với các Công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất là 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với Công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	22.361.688.000	22.567.353.751
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.270.137.874	339.644.830.456
Tiền gửi có kỳ hạn (không quá 3 tháng)	-	11.553.374.505
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Gia Lai	-	*11.553.374.505*
Cộng	**79.631.825.874**	**373.765.558.712**

6. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai	264.000.000.000	-	282.423.265.980	-
Cộng	**264.000.000.000**	**-**	**282.423.265.980**	**-**

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT-ĐLGL ngày 25/09/2015 về việc đầu tư góp vốn tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai thì mục đích mua cổ phần của Công ty này là bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng). Hiện nay, Tập đoàn đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Cổ phiếu của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán. Theo đó, Tập đoàn không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; vì vậy, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	-	-	15.039.106.073	15.039.106.073
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	-	-	*15.039.106.073*	*15.039.106.073*
Cộng	-	-	**15.039.106.073**	**15.039.106.073**

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

		31/12/2018			01/01/2018
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Đang hoạt động	20,0%	5.922	7.037.097.093	6.921.861.624
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	Đang hoạt động	33,3%		19.808.121.166	19.897.769.809
Công ty Cổ phần Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Đang hoạt động	53,9%	58.400	584.000.000	-
Cộng				**27.429.218.259**	**26.819.631.433**

DUCLONG GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	31/12/2018				01/01/2018	
		Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	Đang hoạt động	7,20%	48.000	480.000.000	(480.000.000)	480.000.000	(480.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ĐLGL (i)	Đang hoạt động	1,02%	102.000	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	Đang hoạt động			-	-	1.200.000.000	-
Cộng				**1.500.000.000**	**(480.000.000)**	**2.700.000.000**	**(480.000.000)**

Tại thời điểm 31/12/2018, Tập đoàn không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	63.492.888.171	106.022.939.647
Lê Ngọc Minh	121.260.065.986	-
Honeywell International - ECC US	-	33.043.468.640
Whirlpool Overseas Manufacturing, S.a.r.l	26.774.126.057	37.620.052.120
Whirlpool Corporation	7.571.639.796	-
Lithonia Lighting, A Division	16.797.753.674	18.592.877.310
Công ty CP Công nghiệp KTCB Đá Tây Nguyên	4.374.290.000	-
Tập đoàn XDCĐ, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong& Công ty TNHH ĐTPT MTV Lào (*)	126.374.463.675	136.947.625.974
Azad International (HK) Ltd.	157.667.662.422	91.627.543.315
Caradon MK Electric Ltd (Sub CAA)	-	24.814.112.015
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	31.818.492.634	21.419.007.652
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	15.796.110.000	37.192.135.000
Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú 1	23.827.100.000	23.827.100.000
Trần Thị Nhung	35.000.000.000	-
Các đối tượng khác	182.058.861.692	171.615.997.039
Cộng	**812.813.454.107**	**702.722.858.712**

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác số 0062/HĐHT/2014 ngày 04/11/2014 về việc hợp tác xây dựng 05 cây cầu bê tông từ bản Lăng Khăng đến bản Pạc Nậm Phạ Năng, Huyện Bua Lạ Pha, Tỉnh Khăm Muồn, Lào. Theo điều khoản thanh toán của hợp đồng thì Tập đoàn Xây dựng Cầu đường, Thủy lợi, Xuất nhập khẩu Daohuensong & Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Một thành viên Lào sẽ thanh toán khoản nợ trên cho Công ty khi được Chủ Dự án (Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Khăm Muồn, Lào) thanh toán. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản nợ này.

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyê	Thuyết minh số 47.a	63.492.888.171	106.022.939.647
Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	Thuyết minh số 47.a	12.981.158.278	12.283.108.866
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	477.820.250	2.082.861.250
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	Thuyết minh số 47.a	31.818.492.634	21.419.007.652
Cộng		**108.770.359.333**	**141.807.917.415**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần Phú Lâm	50.000.000.000	-
Công ty CP DLG CY Việt Nam	195.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai (*)	88.000.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp Khai thác CB Đá Tây Nguyên	3.287.000.000	85.877.440.848
Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1 (**)	65.204.370.000	75.100.000.000
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	33.645.534.200	16.060.834.200
Công ty TNHH Thiết bị Phát điện Chúng lực Hồng Nguyên Quảng Đông	15.550.669.800	17.021.488.000
Các đối tượng khác	68.635.652.758	59.539.050.356
Cộng	**519.323.226.758**	**253.598.813.404**

(*) Là khoản Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 18/06/2018 về việc DLG mua lại phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Long Gia Lai tại Công ty TNHH Đức Long Dung Quất.

(**) Là khoản Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai trả trước cho Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1 theo Phụ lục Hợp đồng mua bán số 01/2017/HĐMB ngày 05/07/2017 để mua bò giống.

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	88.000.000.000	-
Công ty CP DLG CY Việt Nam	Thuyết minh số 47.a	195.000.000.000	-
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyê	Thuyết minh số 47.a	33.645.534.200	16.060.834.200
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Thuyết minh số 47.a	1.299.679.552	-
Cộng		**317.945.213.752**	**16.060.834.200**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Cho vay ngắn hạn	**1.411.907.146.155**	**988.048.212.890**
DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC (a)	7.972.371.581	7.972.371.581
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (b)	1.200.000.000	11.425.521.807
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên (c)	20.107.350.253	23.537.198.548
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (d)	194.996.033.966	329.186.785.439
Công ty CP CN Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên (e)	85.455.560.260	70.422.063.000
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL (f)	202.475.434.700	-
Công ty TNHH ĐTXD CĐ Phước Hoàng Long (g)	6.075.305.774	-
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (h)	260.892.525.000	15.421.047.577
Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I (i)	23.531.488.368	20.794.780.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (j)	7.845.000.000	-
Nguyễn Thanh Tâm (k)	106.511.730.000	-
Đỗ Thành Nhân (k)	39.600.000.000	39.500.000.000
Nguyễn Tuấn Vũ (k)	25.860.000.000	44.170.703.000
Trần Thị Như Hạnh (k)	40.000.000.000	54.303.333.000
Nguyễn Thị Anh Thư (k)	50.517.542.000	55.722.980.000
Hồ Thị Mỹ Trinh (k)	121.324.441.688	95.241.249.288
Nguyễn Văn Bảng (k)	14.000.000.000	14.000.000.000
Bùi Thị Sang (k)	11.700.000.000	11.700.000.000
Đào Anh Tuấn (k)	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Tân Tiến (k)	118.979.777.634	87.958.279.650
Nguyễn Thắng (k)	18.726.900.000	20.226.900.000
Đặng Công Bình (k)	30.850.153.881	31.050.000.000
Lê Thị Cẩm Dung (k)	8.699.211.750	14.855.000.000
Các đối tượng khác (k)	4.586.319.300	30.560.000.000
Cho mượn ngắn hạn (l)	**1.153.485.440**	**1.351.211.448**
Công ty Liên doanh Mê Kông	1.145.485.440	1.145.485.440
Các đối tượng khác	8.000.000	205.726.008
Cộng	**1.413.060.631.595**	**989.399.424.338**

a) Cho DNTN Du lịch Lữ hành và Đầu tư Xây dựng NHHTC vay theo Hợp đồng số 10/HĐCMT/2012 ngày 07/07/2012, thời hạn cho vay là 60 tháng với lãi suất 1,5%/tháng. Số tiền cho vay là 7.972.371.581 đồng, tính đến thời điểm hiện nay toàn bộ khoản nợ này đã đến và quá hạn thanh toán.

b) Cho Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai vay theo hợp đồng số 01//VV/2016 ngày 20/09/2016, thời hạn cho vay từ ngày 20/09/2016 đến ngày 20/09/2026 với lãi suất 10,2%/năm. Số tiền cho vay là 20.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2019 là 1.200.000.000 đồng.

c) Cho Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên vay theo Hợp đồng cho mượn vốn số 01B/2016/HĐVV ngày 08/01/2016, Phụ lục hợp đồng số 01B/PLHĐ ngày 05/06/2017 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 28/03/2018, thời hạn cho mượn đến ngày 20/03/2019 với lãi suất 1,5%/năm và được điều chỉnh từ ngày 01/07/2017 là 6%/năm.

d) Cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng cho vay vốn số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

07/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 21/03/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/03/2018, thời hạn cho vay đến ngày 20/03/2019 với lãi suất 7%/năm.

e) Cho Công ty CP Công nghiệp Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên vay theo: Hợp đồng cho vay vốn số 08/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 05/07/2017, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/07/2018 gia hạn thời gian trả nợ đến 04/07/2019; Hợp đồng số 02/HĐ-HTV/2018 ngày 15/01/2018. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 50.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 6%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

f) Cho Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 06A/HĐVV-DLGL ngày 28/03/2017 và Hợp đồng cho vay vốn số 01/HĐVV-DLGL ngày 01/01/2017, thời hạn cho vay 20 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm; Hợp đồng cho vay vốn số 12/2017/HDDVV-DLGL ngày 31/12/2017, số tiền 16.698.622.453 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 với lãi suất 7%/năm và Hợp đồng cho vay vốn số 017/HĐVV-DLGL ngày 05/04/2018, số tiền cho vay 170 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm.

g) Cho Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2018/PHL ngày 09/01/2018, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 6%/năm.

h) Cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo hợp đồng số 06/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 14/02/2017, thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2019 là 260.892.525.000 đồng.

i) Cho Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I vay theo Hợp đồng số 02/HĐ-HTV ngày 31/12/2017, hạn mức cho vay là 25.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 6%/năm.

j) Cho Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 02/2018/HDVV ngày 13/04/2018, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 7%/năm. Hạn mức cho vay là 13.500.000.000 đồng.

k) Cho các cá nhân vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12 tháng), lãi suất cho vay từ 6% - 9,5%/năm.

l) Cho các Công ty mượn tiền không tính lãi theo Thông báo số 22b/TB-TGĐ ngày 20/01/2015. Thời gian cho mượn tiền theo từng lần nhận nợ (không quá 12 tháng).

Tất cả các hợp đồng cho vay mượn trên đều không có tài sản đảm bảo, thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Cho vay dài hạn	**476.062.735.933**	**752.538.483.608**
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai (m)	17.000.000.000	18.200.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (n)	11.929.144.627	14.838.973.573
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL (o)	2.388.660.663	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (p)	171.015.309.657	-
Nguyễn Tấn Đạt (q)	218.895.854.224	26.788.934.735
Hồ Thị Mỹ Trinh (r)	39.233.766.762	9.696.375.300
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	-	324.062.525.000
Nguyễn Thanh Tâm	-	279.600.630.000
Các đối tượng khác (s)	15.600.000.000	79.351.045.000
Cộng	**476.062.735.933**	**752.538.483.608**

m) Cho Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai vay theo hợp đồng số 01//VV/2016 ngày 20/09/2016, thời hạn cho vay từ ngày 20/09/2016 đến ngày 20/09/2026 với lãi suất 10,2%/năm. Hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng, số dư tại thời điểm 31/12/2018 là 18.200.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2019 là 1.200.000.000 đồng.

n) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long vay theo: Hợp đồng cho vay tiền số 02/HĐV/ĐPH/2018 ngày 01/01/2018 với mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay là 36 tháng tính theo từng lần vay; Hợp đồng vay mượn tiền số 01/HĐV/BĐS/VGL/2018 ngày 01/01/2018 với mục đích hỗ trợ vốn, với lãi suất cho vay là 7%/năm. Thời hạn cho vay tiền là 36 tháng tính theo từng lần vay.

o) Cho Công ty Cổ phần Trồng rừng & Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai vay theo hợp đồng số 01/2012/HĐVV-DLGL ngày 17/01/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01/2012/HĐVV-DLGL ngày 02/10/2013, thời hạn cho vay từ ngày 17/01/2012 đến ngày 30/12/2020, lãi suất cho vay theo thông báo từng lần của Ngân hàng Sacombank. Số tiền cho vay là 149.175.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2019 là 0 đồng.

p) Cho Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2019 là 0 đồng.

q) Cho Ông Nguyễn Tấn Đạt vay theo: Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐV/ĐPH/2018 ngày 01/01/2018 với lãi suất 0,4%/năm và các Phụ lục Hợp đồng vay tiền số 18/HĐV/ĐPH/2018/ĐẠT ngày 01/04/2018, số 19/HĐV/ĐPH/2018/ĐẠT ngày 01/07/2018 số 20/HĐV/ĐPH/2018/ĐẠT ngày 01/10/2018 với lãi suất cho vay áp dụng trong năm 2018 là 3-8,5%. Thời hạn cho vay là 36 tháng tính theo từng lần vay. Cho vay sử dụng vào mục đích cá nhân, không cần tài sản thế chấp; Hợp đồng định mức với lãi suất cho vay là 7%/năm. Thời hạn cho vay tiền là 36 tháng tính theo từng lần cho vay.

r) Cho Bà Hồ Thị Mỹ Trinh vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 04/HĐV/ĐPH/2018 ngày 01/01/2018 với mục đích cá nhân với lãi suất 7%/năm. Thời hạn cho vay là 36 tháng tính theo từng lần vay.

s) Cho cá nhân vay tiền với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay là 5%/năm. Thời hạn cho vay tiền là 36 tháng tính theo từng lần vay.

Tất cả các hợp đồng vay mượn đều không có tài sản đảm bảo, thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	194.996.033.966	329.186.785.439
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	Thuyết minh số 47.a	19.774.144.627	14.838.973.573
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Thuyết minh số 47.a	171.015.309.657	-
Cộng		**385.785.488.250**	**344.025.759.012**

11. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Nhà nước về cổ phần hóa (*)	24.305.036.499	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	795.522.881	-
Phải thu về lãi cho vay	168.987.348.066	(974.653.388)	88.422.013.461	(974.653.388)
- Công ty CP Trồng rừng & Cây CN ĐLGL	*45.603.579.249*	-	-	-
- DNTN DL Lữ hành & ĐT Xây dựng NHHTC	*974.653.388*	*(974.653.388)*	*974.653.388*	*(974.653.388)*
- Công ty CP Chế biến Gỗ ĐLGL	-	-	*2.189.358.756*	-
- Nguyễn Tấn Tiến	*28.168.769.440*	-	*16.522.740.586*	-
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	*21.173.297.438*	-	*40.679.403.809*	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng ĐLGL	*15.502.239.416*	-	-	-
- Các đối tượng khác	*57.564.809.135*	-	*28.055.856.922*	-
Tạm ứng	10.943.077.007	-	12.255.408.564	(67.479.236)
Ký cược, ký quỹ	15.066.584.016	-	19.483.812.050	-
Phải thu BHXH, BHYT	35.862.750	-	34.765.500	-
Phải thu khác	19.664.029.590	(5.382.024.146)	12.307.542.197	(1.962.145.407)
Cộng	**239.001.937.928**	**(6.356.677.534)**	**133.299.064.653**	**(3.004.278.031)**

(*) Đây là khoản phải thu Nhà nước từ việc cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai do khi Nhà nước thoái vốn, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa thấp hơn số vốn Nhà nước hiện có đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018). Tuy nhiên, khoản phải thu này chưa được quyết toán và có thể thay đổi khi quyết toán chính thức được phê duyệt.

b. Dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH SXTMDV Đồng Phú Hưng	-	-	195.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (*)	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ (*)	25.733.944.984	-	5.072.729.334	-
Phải thu khác	41.146.500			
Cộng	**325.775.091.484**	**-**	**500.072.729.334**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Là khoản Công Cổ phần ĐT&KD Bất động sản Đức Long Gia Lai hợp tác kinh doanh cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long theo Hợp đồng đầu tư tài chính trung hạn số 01005/HĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 10/05/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01005A /PLHĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 15/05/2016 về việc đầu tư tài chính vào dự án Trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Sunshine Apartment tại phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 300.000.000.000 đồng, thời hạn đầu tư là 3 năm, mức lợi nhuận được xác định bằng tỷ lệ phần trăm số tiền hợp tác đầu tư trên tổng vốn đầu tư nhân với tổng lợi nhuận.

c. Phải thu khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	15.502.239.416	130.631.972
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	Thuyết minh số 47.a	300.288.724.110	300.000.000.000
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Thuyết minh số 47.a	4.209.659.393	-
Cộng		**320.000.622.919**	**300.130.631.972**

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	*22.369.117.175*	*12.411.758.893*
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	*7.567.265.089*	*4.083.696.987*
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	*3.759.041.146*	*5.309.252.437*
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	*25.609.275*	*300.111.474*
Cộng	**33.721.032.685**	**22.104.819.791**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: nợ xấu

	31/12/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	**18.514.534.580**	**3.036.994.049**		
- Whirlpool Corporation	*3.273.679.381*	*-*	*Trên 3 năm*	*Quá hạn thanh toán*
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	*6.066.356.099*	*3.033.178.049*	*Từ 1 - 2 năm*	*Quá hạn thanh toán*
- Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên	*3.464.870.300*	*-*	*Từ 1 - 2 năm*	*Quá hạn thanh toán*
- Các đối tượng khác	*5.709.628.800*	*3.816.000*	*Từ 2 năm đến trên 3 năm*	*Quá hạn thanh toán*
Trả trước người bán	**5.361.573.655**	**349.344.826**		
- Công ty TNHH TV TK Kiến Phát	*1.490.000.000*	*-*	*Trên 3 năm*	*Không thực hiện hợp đồng*
- Công ty TNHH Cao Su Anh Quốc	*912.000.000*	*-*	*Trên 3 năm*	*Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi*
- Các đối tượng khác	*2.959.573.655*	*349.344.826*	*Từ 6 tháng đến trên 3 năm*	*Không thực hiện hợp đồng*
Phải thu về cho vay	**7.972.371.581**	**1.097.785.790**		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	*7.972.371.581*	*1.097.785.790*	*Từ 2 năm đến trên 3 năm*	*Đang khởi kiện*
Phải thu khác	**7.527.316.311**	**1.170.638.777**		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	*974.653.388*	*-*	*Trên 3 năm*	*Đang khởi kiện*
- Nguyễn Đình Trạc	*902.400.615*	*-*	*Trên 3 năm*	*CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi*
- Đỗ Thanh	*1.398.114.694*	*-*	*Trên 3 năm*	*CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi*
- Nguyễn Tiến Dũng	*3.646.920.924*	*1.094.076.277*	*Từ 2 năm đến trên 3 năm*	*CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi*
- Các đối tượng khác	*605.226.690*	*76.562.500*	*Từ 2 năm đến trên 3 năm*	*Quá hạn thanh toán*
Cộng	**39.375.796.127**	**5.654.763.442**		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	01/01/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	**17.854.316.643**	**7.740.370.438**		
- Công ty TNHH Nam Thuận	*533.661.700*	*-*	*Trên 3 năm*	*Đang khởi kiện*
- Các đối tượng khác	*17.320.654.943*	*7.740.370.438*	*Từ 1 năm đến trên 3 năm*	*Công nợ tồn tại lâu, khó thu hồi*
Trả trước người bán	**4.928.377.704**	**624.293.623**		
- Công ty TNHH TV TK Kiến Phát	*1.490.000.000*	*-*	*Trên 3 năm*	*Không thực hiện hợp đồng*
- Các đối tượng khác	*3.438.377.704*	*624.293.623*	*Trên 3 năm*	*Không thực hiện hợp đồng*
Tạm ứng	**67.479.236**	**-**		
- Nguyễn Văn Hòa	*67.479.236*	*-*	*Trên 3 năm*	*Đang thực hiện khấu trừ lương hàng tháng*
Phải thu về cho vay	**7.972.371.581**	**3.289.860.107**		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	*7.972.371.581*	*3.289.860.107*	*Từ 6 tháng đến trên 3 năm*	*Đang khởi kiện*
Phải thu khác	**3.722.590.387**	**785.791.592**		
- DNTN Du lịch lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	*974.653.388*	*-*	*Trên 3 năm*	*Đang khởi kiện*
- Nguyễn Đình Trạc	*902.400.615*	*275.720.185*	*Từ 2-3 năm*	*CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi*
- Đỗ Thanh	*1.398.114.694*	*419.434.408*	*Trên 3 năm*	*CNV đã nghỉ việc, khó có khả năng thu hồi*
- Các đối tượng khác	*447.421.690*	*90.636.999*	*Từ 1 năm đến trên 3 năm*	*Chưa thu hồi được*
Cộng	**34.545.135.551**	**12.440.315.760**		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

13. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.325.876.597	(14.383.903.392)	65.694.380.117	(13.899.312.385)
Công cụ, dụng cụ	341.058.296	-	118.909.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	375.417.593.078	(3.183.436.800)	182.386.240.958	(2.448.127.745)
Thành phẩm	23.557.218.169	(3.709.382.832)	37.084.253.813	(3.720.378.305)
Thành phẩm bất động sản đầu tư	-	-	19.332.309.132	-
Hàng hóa	286.667.141.133	-	256.663.280.704	-
Cộng	**766.308.887.273**	**(21.276.723.024)**	**561.279.373.724**	**(20.067.818.435)**

- Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018.
- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	416.052.289	25.236.368
Chi phí bảo hiểm	3.304.248	17.448.484
Chi phí trả trước khác	22.163.894	24.233.245
Cộng	**441.520.431**	**66.918.097**

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.900.293.585	3.008.009.642
Quyền sử dụng đất có thời hạn	13.682.184	-
Tiền thuê đất và nhà tại nước ngoài (*)	35.129.121.768	35.974.209.845
Chi phí tiền thuê đất chờ phân bổ	2.060.898.340	-
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	5.334.195.945	2.538.897.756
Lợi thế thương mại	6.881.158.260	-
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	1.133.446.059	1.656.436.232
Cộng	**53.452.796.141**	**43.177.553.475**

(*) Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	383.802.522.896	572.229.840.170	127.554.570.892	6.936.308.205	-	2.396.293.870.482	3.486.817.112.645
Phân loại lại	-	-	(89.345.840.655)	89.345.840.655	-	-	-
Mua sắm trong kỳ	1.151.726.285	6.301.210.091	-	382.722.779	205.500.000	-	8.041.159.155
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	175.885.082.455	24.930.494.030	200.815.576.485
Chuyển từ TP BĐS sang	19.332.309.132	-	-	-	-	-	19.332.309.132
CL do chuyển đổi	321.555.336	9.082.676.598	1.021.161.385	626.774.950	-	-	11.052.168.269
Tăng do hợp nhất Công ty con	143.714.968.654	14.401.461.593	7.969.003.561	299.097.454	404.022.162.104	-	570.406.693.366
Thanh lý, nhượng bán	1.341.294.545	1.004.545.455	-	-	4.384.756.809	-	6.730.596.809
Giảm do mất QKS tại Công ty con	7.007.057.293	4.073.372.727	-	-	-	-	11.080.430.020
Số cuối kỳ	**539.974.730.465**	**596.937.270.270**	**47.198.895.183**	**97.590.744.043**	**575.727.987.750**	**2.421.224.364.512**	**4.278.653.992.223**
Khấu hao						-	-
Số đầu kỳ	64.385.440.420	550.289.348.141	110.909.351.733	6.552.501.220	-	172.064.980.316	904.201.621.830
Phân loại lại	-	-	(83.522.022.880)	83.522.022.880	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	14.506.313.559	8.898.674.347	2.488.135.494	2.874.589.145	3.443.887.569	84.786.618.900	116.998.219.014
CL do chuyển đổi	317.659.293	8.987.202.468	953.554.471	640.183.087	-	-	10.898.599.319
Tăng do hợp nhất Công ty con	81.378.188.631	9.205.075.986	5.182.682.403	172.489.436	245.374.268.451	-	341.312.704.907
Thanh lý, nhượng bán	304.507.479	435.303.024	-	-	3.525.645.097	-	4.265.455.600
Giảm do mất QKS tại Công ty con	1.268.585.202	4.073.372.727	-	-	-	-	5.341.957.929
Số cuối kỳ	**159.014.509.222**	**572.871.625.191**	**36.011.701.221**	**93.761.785.768**	**245.292.510.923**	**256.851.599.216**	**1.363.803.731.541**
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	319.417.082.476	21.940.492.029	16.645.219.159	383.806.985	-	2.224.228.890.166	2.582.615.490.815
Số cuối kỳ	**380.960.221.243**	**24.065.645.079**	**11.187.193.962**	**3.828.958.275**	**330.435.476.827**	**2.164.372.765.296**	**2.914.850.260.682**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.846.538.197.858 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 694.996.911.350 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai (a)	Quan hệ khách hàng khế ước (b)	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	35.484.374.270	617.689.701	432.444.000	135.477.469.610	32.644.937.500	204.656.915.081
Tăng trong kỳ	-	-	-	23.088.426.975	-	23.088.426.975
Tăng do hợp nhất	1.462.276.000	-	-	-	-	1.462.276.000
Công ty con CL do chuyển đổi	-	-	-	2.325.622.159	528.162.500	2.853.784.659
Thanh lý, nhượng bán	13.947.102.155	617.689.701	-	-	-	14.564.791.856
Số cuối kỳ	**22.999.548.115**	-	**432.444.000**	**160.891.518.744**	**33.173.100.000**	**217.496.610.859**
Khấu hao						
Số đầu kỳ	88.139.975	145.338.720	361.060.688	116.833.682.175	4.896.740.625	122.324.962.183
Khấu hao trong kỳ	10.711.695	12.111.560	40.381.517	12.405.933.890	3.298.206.250	15.767.344.912
CL do chuyển đổi	-	-	-	1.962.109.543	98.328.125	2.060.437.668
Thanh lý, nhượng bán	95.335.075	157.450.280	-	-	-	252.785.355
Số cuối kỳ	**3.516.595**	-	**401.442.205**	**131.201.725.608**	**8.293.275.000**	**139.899.959.408**
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	35.396.234.295	472.350.981	71.383.312	18.643.787.435	27.748.196.875	82.331.952.898
Số cuối kỳ	**22.996.031.520**	-	**31.001.795**	**29.689.793.136**	**24.879.825.000**	**77.596.651.451**

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 21.537.272.115 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 336.340.000 đồng.

(a) Chi phí triển khai là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng sẽ được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.

(b) Tài sản cố định vô hình "Quan hệ khách hàng khế ước" phát sinh trong năm 2016 khi Công ty mua mảng hoạt động kinh doanh điện tử tại Hàn Quốc. Giá trị của tài sản này tại ngày mua là 1.450.000 USD (tương đương 11.237.500 HKD). Công ty khấu hao tài sản cố định vô hình này dựa theo thời gian ước tính sử dụng là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	56.149.693.891	122.870.111.864
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	**66.720.417.973**	**56.149.693.891**	**122.870.111.864**
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	17.544.383.403	17.544.383.403
Khấu hao trong kỳ	-	1.975.566.984	1.975.566.984
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	**-**	**19.519.950.387**	**19.519.950.387**
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	38.605.310.488	105.325.728.461
Số cuối kỳ	**66.720.417.973**	**36.629.743.504**	**103.350.161.477**

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã thế chấp đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 103.350.161.477 đồng.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 2.453.507.160 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá 66.720.417.973 đồng, diện tích 582,7 m2, thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: cho thuê. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Xây dựng cơ bản	405.373.448.492	660.713.035.677
- Dự án trồng cao su tại IaBlứ (948 ha)	-	*166.687.563.209*
- Dự án thủy điện Đồng Nai 6 (i1)	*11.709.800.729*	*11.709.800.729*
- Tiền sử dụng đất tại bến xe Đà Nẵng (i2)	*12.190.162.500*	-
- Trồng rừng cao su 980 ha Chư Pưh (980 ha)	-	*214.043.054.100*
- Dự án chăn nuôi bò	*45.623.389.416*	*29.960.978.416*
- Dự án nhà máy điện Tân Thượng	*309.657.535.646*	*235.943.435.033*
- Dự án Khách sạn Đức Long tại Đăk Nông (i3)	*686.363.636*	*318.181.818*
- Dự án DLGL Hotel Pleiku	*20.985.660.082*	*1.194.189.772*
- Các công trình xây dựng khác	*4.520.536.483*	*855.832.600*
Cộng	**405.373.448.492**	**660.713.035.677**

- Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 309.657.535.646 đồng.

(i1) Dự án Thủy điện Đồng Nai 6 đã bị loại khỏi quy hoạch tổng thể của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, ngày 25/10/2017, Tập đoàn đã có Công văn số 258/CV-DLG xin chủ trương tiếp tục đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, Tập đoàn vẫn đang chờ phản hồi từ cơ quan chức năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(i2) Tiền sử dụng đất Tập đoàn nộp cho Ngân sách nhà nước để được giao thửa đất 8.554,5m2 tại xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng. Đến thời điểm hiện nay, Công ty đang làm thủ tục để được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất.

(i3) Dự án Khách sạn Đức Long Đăk Nông được Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông xin chủ trương đầu tư từ năm 2015 và đã có một số văn bản của UBND Tỉnh Đăk Nông về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay dự án vẫn chưa được UBND Tỉnh phê duyệt để tiếp tục được triển khai.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.906.588.451	15.675.260.714
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.275.270.768	2.698.976.064
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**19.181.859.219**	**18.374.236.778**

20. Lợi thế thương mại

	Năm 2018	Năm 2017
Giá trị đầu kỳ	240.320.392.403	263.086.701.032
Tăng trong kỳ	35.965.284.649	11.038.633.008
Phân bổ trong kỳ	33.335.968.596	31.132.024.820
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	3.540.139.517	(2.672.916.817)
Giá trị cuối kỳ	**246.489.847.973**	**240.320.392.403**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Công nghiệp KT & CB Đá Tây Nguyên	37.323.462.847	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	17.231.434.739	2.571.612.000
Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	1.132.384.400	5.722.742.400
Hung Fai Industrial Technology Ltd	64.769.023.152	53.379.310.770
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.731.657.000	2.731.657.000
Công ty CP Lilama 45.3	30.717.246.000	32.217.246.000
Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	19.984.310.509	34.984.310.409
Chi nhánh Sông Đà 901 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	50.954.477.498	55.349.625.000
Công ty TNHH Cơ điện Tuấn Huy	15.581.097.841	21.634.645.393
QiaoLian Electronics DongGuan CO.,LTD.	7.371.362.448	11.803.604.918
Hong Kong Bai Lian Technology Industrial Limited	36.007.855.416	24.114.528.580
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	17.289.180.000	-
Tổng Cục đường bộ Việt Nam	23.827.239.000	-
Công ty Cổ phần TM - DV BĐS Bầu Trời	8.674.152.837	-
Các đối tượng khác	227.240.107.895	250.774.198.482
Cộng	**560.834.991.582**	**495.283.480.952**

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Thuyết minh số 47.a	17.289.180.000	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Thuyết minh số 47.a	17.231.434.739	2.571.612.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Thuyết minh số 47.a	-	2.731.657.000
Cộng		**34.520.614.739**	**5.303.269.000**

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai	6.600.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình (*)	12.180.800.000	12.180.800.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	53.415.009.045	3.563.779.420
Công ty TNHH KT Khoáng sản Đức Sang Gia Lai	19.917.049.754	-
Các đối tượng khác	242.691.724.587	72.531.108.067
Cộng	**334.804.583.386**	**88.275.687.487**

(*) Là khoản ứng trước theo Hợp đồng số 01/HĐCNCP ngày 31/12/2015 về việc mua cổ phần của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Thuyết minh số 47.a	53.415.009.045	3.563.779.420
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Thuyết minh số 47.a	1.972.840.008	-
Cộng		**55.387.849.053**	**3.563.779.420**

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả					Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	22.078.705.074	36.326.235.983	46.888.767.040	(105.197.382)	-	105.197.382	11.516.174.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	363.934.795	80.081.149.840	17.662.306.779	32.298.601.365	(308.401.469)	775.128.604	723.560.963	66.271.208.557
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.403.269	239.271.686	445.085.845	(125.497.489)	-	461.324.716	194.416.337
Thuế tài nguyên	-	99.914.400	-	99.914.400	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	941.826.045	2.446.672.571	2.374.977.673	-	-	29.511.936	1.043.032.879
Các loại thuế khác	-	1.450.816.567	648.742.841	716.054.241	96.335.494	-	86.510	1.479.927.171
Phí và lệ phí	-	85.865.000	1.427.501.543	1.427.501.543	-	-	-	85.865.000
Cộng	363.934.795	104.802.680.195	58.750.731.403	84.250.902.107	(442.760.846)	775.128.604	1.319.681.507	80.590.623.961

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	87.627.561.802	98.288.450.430
Chi phí lãi vay	29.551.449.896	13.156.012.399
Chi phí văn phòng	16.668.715.968	12.676.242.052
Chi phí hoa hồng môi giới	2.816.156.339	-
Lãi do dự án chậm tiến độ	8.961.506.788	-
Các khoản trích trước khác	59.142.936.031	32.826.954.016
Cộng	**204.768.326.824**	**156.947.658.897**

25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Doanh thu cho thuê mặt bằng	175.454.546	122.727.273
Cộng	**175.454.546**	**122.727.273**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	299.338.209	155.029.214
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	334.767.791	695.540.630
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	1.443.858.450	1.443.858.450
Lãi vay phải trả	141.938.514.599	118.095.983.125
Phải trả về chế độ dôi dư (tài khoản phong tỏa)	8.989.838.630	-
Cổ tức phải trả	148.747.837	148.747.837
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	1.794.284.923	-
Tạm nhập cà phê ký gửi (*)	41.194.807.716	-
Phải trả khác tại Công ty Cà phê Gia Lai (**)	640.805.014	-
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	32.630.451.300	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.963.797.280	11.285.356.175
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.965.028.010	1.435.926.009
Cộng	**256.344.239.759**	**133.260.441.440**

(*) Là giá trị số lượng cà phê người dân ký gửi tại Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai, cụ thể:

- 98.544 kg cà phê nhân xô thu mua vụ 2017 – 2018 do người dân ký gửi, Công ty đang ghi nhận theo đơn giá tạm tính là 37.000 đồng/kg, giá trị này sẽ thay đổi khi người dân chốt giá chính thức với Công ty.
- 1.126.275. kg cà phê nhân xô thu mua vụ 2018 – 2019 do người dân ký gửi, Công ty đang ghi nhận theo đơn giá tạm tính là 33.300 đồng/kg, giá trị này sẽ thay đổi khi người dân chốt giá chính thức với Công ty.

(**) Là khoản bồi thường tại Xã Ia Bă mà Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai được nhận nhưng do vướng về thủ tục phải chi trả lại cho người nhận khoán số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ khoán nên Công ty chưa kết chuyển tăng thu nhập khác của giai đoạn Công ty Nhà nước. Khoản thu nhập này sau khi hoàn tất thủ tục phải chuyển trả về cho Nhà nước.

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.090.000.000	4.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	300.768.297	-
Cộng	**4.390.768.297**	**4.000.000.000**

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	Thuyết minh số 47.a	32.630.451.300	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Thuyết minh số 47.a	4.000.000.000	-
Cộng		**36.630.451.300**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	**431.609.264.796**	**605.076.926.518**	**728.688.523.622**	**51.583.392.554**	**197.667.370**	**359.778.727.616**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	*42.248.000.000*	*61.481.000.000*	*74.796.000.000*	-	-	*28.933.000.000*
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	*240.905.140.000*	*248.385.000.000*	*283.482.168.775*	*51.583.392.554*	-	*257.391.363.779*
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	*85.000.000.000*	*101.500.000.000*	*186.500.000.000*	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông VN - CN TPHCM	*45.000.000.000*	*62.999.336.367*	*89.999.336.367*	-	-	*18.000.000.000*
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - USD	*2.251.375.000*	*11.373.125.000*	*11.373.125.000*	-	*36.425.000*	*2.287.800.000*
- Shinhan Bank (KRW)	*8.074.999.450*	-	*2.994.774.210*	-	*113.299.208*	*5.193.524.448*
- DS Concept (USD)	-	*6.303.211.870*	*6.303.211.870*	-	-	-
- Tradewind Invest LLC	-	*59.324.224.605*	*51.046.978.695*	-	*47.943.162*	*8.325.189.072*
- Công ty CP ĐT&PT Điện năng Đức Long Gia Lai	*8.089.750.346*	*41.899.846.380*	*19.833.700.000*	-	-	*30.155.896.726*
- Các đối tượng khác	*40.000.000*	*11.811.182.296*	*2.359.228.705*	-	-	*9.491.953.591*
Các khoản mượn bằng tiền	**24.247.840.480**	**701.937.917.213**	**682.465.378.213**	-	-	**43.720.379.480**
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	*343.861.504*	-	*203.500.000*	-	-	*140.361.504*
- Phan Đình Trung	*23.000.000.000*	*175.000.000.000*	*155.200.000.000*	-	-	*42.800.000.000*
- Các đối tượng khác	*903.978.976*	*526.937.917.213*	*527.061.878.213*	-	-	*780.017.976*
Vay dài hạn đến hạn trả	**151.263.684.060**	**192.661.737.836**	**80.582.147.200**	-	-	**263.343.274.696**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	*57.000.000.000*	*70.000.000.000*	*56.500.000.000*	-	-	*70.500.000.000*
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	*35.300.000.000*	*37.265.858.000*	*14.500.000.000*	-	-	*58.065.858.000*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	*5.587.254.400*	*8.380.881.600*	*2.793.627.200*	-	-	*11.174.508.800*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM	*52.221.309.660*	*75.885.878.236*	*5.700.000.000*	-	-	*122.407.187.896*
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở giao dịch	*1.155.120.000*	*1.129.120.000*	*1.088.520.000*	-	-	*1.195.720.000*
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	**136.374.500.000**	**368.694.847.003**	**134.000.000.000**	-	-	**371.069.347.003**
Cộng	**743.495.289.336**	**1.868.371.428.570**	**1.625.736.049.035**	**51.583.392.554**	**197.667.370**	**1.037.911.728.795**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	**2.839.869.069.294**	**206.791.285.919**	**104.456.079.069**	**(128.439.501.916)**	**-**	**2.813.764.774.228**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai (i1)	*962.769.403.555*	*-*	*56.500.000.000*	*-*	*-*	*906.269.403.555*
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai (i2)	*1.609.680.884.818*	*67.274.897.427*	*34.969.931.085*	*(129.207.000.000)*	*-*	*1.512.778.851.160*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai (i3)	*57.967.764.400*	*-*	*2.793.627.200*	*-*	*-*	*55.174.137.200*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM (i4)	*203.993.066.129*	*-*	*5.700.000.000*	*-*	*-*	*198.293.066.129*
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch (i5)	*3.345.950.000*	*-*	*1.088.520.000*	*-*	*-*	*2.257.430.000*
- Liên hiệp Chè Việt Nam (i6)	*-*	*-*	*-*	*767.498.084*	*-*	*767.498.084*
- Trịnh Đình Trường (i7)	*-*	*138.224.388.100*	*-*	*-*	*-*	*138.224.388.100*
- Công ty TNHH SXTMDV Đồng Phú Hưng	*2.112.000.392*	*1.292.000.392*	*3.404.000.784*	*-*	*-*	*-*
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu thường	**629.555.650.671**	**1.823.813.003**	**134.382.300.000**	**-**	**-**	**496.997.163.674**
Cộng	**3.469.424.719.965**	**208.615.098.922**	**238.838.379.069**	**(128.439.501.916)**	**-**	**3.310.761.937.902**
Trong đó:						
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	*151.263.684.060*	*-*	*-*	*-*	*-*	*263.343.274.696*
- Trái phiếu phát hành đến hạn	*136.374.500.000*	*-*	*-*	*-*	*-*	*371.069.347.003*
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**3.181.786.535.905**					**2.676.349.316.203**

DUCLONG GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/06/2014 với thời gian vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 29/05/2014 với hạn mức vay là 997.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 13,5 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Thời gian ân hạn: 4,5 năm, từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 03/06/2011 đến ngày 03/12/2015). Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí…) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đăk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đăk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

(i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày14/08/2008 đến ngày14/08/2022. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/01/2012 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 96.000.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay là để đầu tư cho dự án trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã IaBlứ, Huyện Chư Pứ, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/06/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 với thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/06/2012 đến ngày 30/06/2026, số tiền vay là 62.800.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tiền vay là để cơ cấu lại tài chính doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính đối với Công trình Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mố, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.

(i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/01/2011), số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/01/2014 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 14/12/2023) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/01/2014 với thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 44.957.100.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,0%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

(i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mủ, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 31/12/2020) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/06/2016.

(i.5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở Giao dịch:

- Hợp đồng tín dụng số 079/14/HĐTD/101-63 ngày 08/10/2014 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 780.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm. Trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau: sau mỗi 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hoặc khi có sự thay đổi các quy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Toyota Fortuner V 7 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 015/15/HĐTD/101-63 ngày 05/02/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 096/15/HĐTD/101-63 ngày 22/06/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để mua xe ô tô Ford Ranger XLT 05 chỗ mới 100%. Tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay.

(i.6) Vay dài hạn Liên hiệp chè Việt Nam theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô – Ba Lan giữa Tổng Công ty Chè Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ theo hợp đồng số 25 ND 24 CVN-BH ngày 01/04/1989.

(i7) Vay Ông Trịnh Đình Trường theo Hợp đồng mượn tiền số 08/2018 ngày 15/07/2018, số tiền 138.224.388.100 đồng với lãi suất 0%/năm, thời hạn mượn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

c. Trái phiếu phát hành

	31/12/2018				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ lũy	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	*366.000.000.000*	*6.518.829.294*	*5.213.676.297*	*364.694.847.003*	*11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2*
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	*134.000.000.000*	*2.593.300.000*	*521.116.671*	*131.927.816.671*	*10% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2*
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	*374.500.000*	-	-	*374.500.000*	*13%/năm*
Cộng	**500.374.500.000**	**9.112.129.294**	**5.734.792.968**	**496.997.163.674**	

	01/01/2018				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	*366.000.000.000*	*6.518.829.294*	*3.908.523.298*	*363.389.694.004*	*11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2*
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	*134.000.000.000*	*2.211.000.000*	*2.456.667*	*131.791.456.667*	*10% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2*
- Trái phiếu kỳ hạn 3 năm	*134.000.000.000*	*2.386.675.206*	*2.386.675.206*	*134.000.000.000*	*11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2*
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	*374.500.000*	-	-	*374.500.000*	*13%/năm*
Cộng	**634.374.500.000**	**11.116.504.500**	**6.297.655.171**	**629.555.650.671**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng tái cơ cấu (*)	2.496.285.000	-
Cộng	**2.496.285.000**	**-**

Chi phí dự phòng được ước tính để trả bồi thường cho nhân viên thôi việc do tái cấu trúc doanh nghiệp. Chi phí này dự tính sẽ được trả trong năm 2019.

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	17.482.049.369	12.091.150.520
Cộng	**17.482.049.369**	**12.091.150.520**

30. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2017	2.301.443.420.000	50.512.788.328	12.540.175.048	6.196.436.959	126.085.637.834
Tăng trong kỳ	549.134.730.000	-	138.279.652	-	57.306.546.654
Giảm trong kỳ	-	1.880.000	-	-	2.600.000.000
Số dư tại 31/12/2017	2.850.578.150.000	50.510.908.328	12.678.454.700	6.196.436.959	180.792.184.488
Số dư tại 01/01/2018	2.850.578.150.000	50.510.908.328	12.678.454.700	6.196.436.959	180.792.184.488
Tăng trong kỳ	142.519.050.000	-	-	-	8.130.095.592
Giảm trong kỳ	-	-	(3.886.116.554)	-	146.919.050.000
Số dư tại 31/12/2018	2.993.097.200.000	50.510.908.328	16.564.571.254	6.196.436.959	42.003.230.080

Năm 2016, Công ty tăng vốn từ nguồn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ); Dự án Thủy điện và Năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ). Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2018 như sau:

Mục đích sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn	Vốn đã sử dụng đến 31/12/2018	Vốn chưa sử dụng
Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	177.716.686.733	122.283.313.267
Dự án thủy điện và năng lượng	150.000.000.000	150.000.000.000	-
Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Cộng	**500.000.000.000**	**377.716.686.733**	**122.283.313.267**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	2.850.578.150.000	2.301.443.420.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	142.519.050.000	549.134.730.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.850.578.150.000
Cổ tức đã chia	142.519.050.000	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	285.057.815
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	299.309.720	285.057.815
- Cổ phiếu phổ thông	*299.309.720*	*285.057.815*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	285.057.815
- Cổ phiếu phổ thông	*299.309.720*	*285.057.815*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	180.792.184.488	126.085.637.834
Các khoản tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	(39.761.128)	(35.242)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.169.856.720	57.306.581.896
Phân phối lợi nhuận	**146.919.050.000**	**2.600.000.000**
Phân phối lợi nhuận năm trước	146.919.050.000	2.600.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.400.000.000	2.600.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	142.519.050.000	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**42.003.230.080**	**180.792.184.488**

Tập đoàn thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2018 ngày 23/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	251.003.529.473	156.514.602.188
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	124.430.306.241	95.855.777.707
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	*6.183.272.650*	*2.055.291.688*
- Tăng từ góp vốn	*10.000.000*	-
- Tăng từ hợp nhất công ty con	*118.144.021.206*	*93.797.238.921*
- Tăng từ CLTG chuyển đổi	*90.263.828*	*3.211.857*
- Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	*2.748.557*	*35.241*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	1.483.453.444	1.366.850.422
- Giảm do thoái vốn Công ty con	*1.483.453.444*	*1.366.850.422*
Cộng	**373.950.382.270**	**251.003.529.473**

32. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
- USD	*844.245,19*	*483.200,73*
- EUR	*1.794,00*	*1.806,11*
- RMB	*991.346,00*	*1.988.067,02*
- KRW	*142.887.489,00*	*82.488.869,00*
- GBP		
Nợ khó đòi đã xử lý	9.298.069.805	1.064.648.999
- Vachetti Giuseppe S.P.A	*636.431.769*	*636.431.769*
- Công ty TNHH Nam Thuận	*533.661.700*	-
- Các đối tượng khác	*8.127.976.336*	*428.217.230*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng	2.522.118.875.190	2.329.002.963.027
- Doanh thu bán đá	*194.392.114.500*	*259.034.247.118*
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	*1.885.597.200.990*	*1.614.185.250.361*
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	*16.327.109.867*	*23.864.518.648*
- Doanh thu bán phân bón	*396.184.846.419*	*378.781.061.700*
- Doanh thu bán bò, bê thành phẩm	-	*29.712.685.000*
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	*29.617.603.414*	*23.309.760.000*
- Doanh thu bán hàng khác	-	*115.440.200*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	367.124.790.643	353.255.820.305
- Doanh thu cho thuê tài sản	*5.206.017.646*	*7.361.209.512*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	*2.026.990.209*	*6.344.561.004*
- Doanh thu phí BOT	*346.163.286.367*	*338.911.859.101*
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	*815.973.615*	*638.190.688*
- Doanh thu dịch vụ môi giới BĐS	*12.912.522.806*	
Doanh thu xây lắp	27.590.987.156	231.585.965.306
Doanh thu khác	7.000.000	-
Cộng	**2.916.841.652.989**	**2.913.844.748.638**

34. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Chiết khấu thương mại	2.053.810.275	14.123.964.965
Hàng bán trả lại	495.392.780	2.211.386.045
Cộng	**2.549.203.055**	**16.335.351.010**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn bán hàng	2.315.202.841.994	2.080.290.985.950
- Giá vốn bán đá	*193.497.375.427*	*255.608.563.643*
- Giá vốn linh kiện điện tử	*1.699.574.779.125*	*1.395.956.377.475*
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	*12.216.390.626*	*18.678.977.326*
- Giá vốn bán phân bón	*386.605.850.532*	*372.020.317.916*
- Giá vốn bán bò, bê thành phẩm	-	*14.939.947.394*
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	*23.308.446.284*	*22.933.003.000*
- Giá vốn bán hàng khác	-	*153.799.196*
Giá vốn cung cấp dịch vụ	145.968.983.311	128.503.359.272
- Giá vốn cho thuê tài sản	*5.871.242.306*	*5.743.046.122*
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	*2.502.090.160*	*5.567.100.786*
- Giá vốn thu phí BOT	*125.033.973.119*	*116.737.265.090*
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	*456.187.591*	*455.947.274*
- Giá vốn dịch vụ môi giới BĐS	*12.105.490.135*	-
Giá vốn công trình xây lắp	21.842.092.042	198.054.431.310
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	879.135.225	2.769.279.150
Giá vốn khác	76.264.713	-
Cộng	**2.483.969.317.285**	**2.409.618.055.682**

36. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.855.843.631	115.137.290.172
Cổ tức, lợi nhuận được chia	225.036.000	207.270.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	27.287.474.978	1.740.552.447
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	149.408	-
Lãi từ thoái vốn Công ty con	295.944.992	370.291.918
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	35.936.660.000
Cộng	**161.664.449.009**	**153.392.064.537**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	274.875.265.985	294.520.905.266
Lãi trái phiếu	52.633.500.000	53.698.424.658
Dự phòng giảm giá và tổn thất đầu tư dài hạn	-	(1.894.771.526)
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	245.237.692	1.469.764.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.563.716.078	1.381.231
Phí phát hành trái phiếu	1.823.813.003	2.104.860.935
Lỗ từ hợp nhất kinh doanh	-	551.724.754
Chi phí tài chính khác	2.294.573.522	1.908.466.166
Cộng	**342.436.106.280**	**352.360.756.197**

38. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí hoa hồng	5.140.855.015	3.826.718.720
Chi phí nhân công	544.293.376	184.537.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.670.000	152.670.000
Chi phí vận chuyển	17.245.669.645	33.031.369.140
Các khoản khác	4.346.745.970	3.978.184.850
Cộng	**27.430.234.006**	**41.173.480.017**

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu	1.563.153.954	1.616.069.751
Chi phí nhân công	81.108.268.418	70.491.913.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.387.688.409	9.703.498.990
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	14.375.663.878	8.006.811.163
Phân bổ lợi thế thương mại	33.529.250.766	31.132.024.820
Các khoản khác	39.906.305.546	50.900.312.678
Cộng	**193.870.330.971**	**171.850.630.786**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản	20.019.473.495	20.060.417.708
Chuyển nhượng mỏ đá	1.917.738.265	-
Thu thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng	408.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	1.740.493.971	1.583.483.962
Cộng	**24.085.705.731**	**21.643.901.670**

40. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Phạt chậm ký hợp đồng	8.594.101.718	-
Chi phí liên quan đến mỏ đá	1.025.245.925	-
Giá trị còn lại của vườn cây phá bỏ	859.111.712	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	272.407.456	800.891.744
Phạt thuế (*)	1.221.620.997	1.194.330.826
Chi phí tiền chậm nộp (do Công ty tự xác định và tự nộp, không có biên bản phạt của cơ quan thuế)	73.736.138	437.005.562
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	2.387.284.029	1.374.060.688
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý của tài sản cố định thanh lý	-	2.196.358.220
Chi phí khác	1.379.715.164	2.991.518.475
Cộng	**15.813.223.139**	**8.994.165.515**

(*) Là tiền phạt thuế tại Công ty ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai theo Quyết định số 215/QĐ-CT ngày 05/04/2018 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai

41. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.169.856.720	57.306.581.896
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(4.400.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	4.400.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.169.856.720	52.906.581.896
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	299.309.720	292.840.462
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	**27**	**181**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

42. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.334.572.786.570	1.060.873.334.562
Chi phí nhân công	428.582.254.614	330.029.025.494
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.179.637.447	155.369.137.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.326.842.201	466.657.303.790
Chi phí khác bằng tiền	9.678.817.042	13.134.542.524
Cộng	**2.168.340.337.874**	**2.026.063.343.693**

43. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
Tiền		
- USD	*844.245,19*	*483.200,73*
- EUR	*1.794,00*	*1.806,11*
- RMB	*991.346,00*	*1.988.067,02*
- KRW	*142.887.489,00*	*82.488.869,00*
Phải thu khách hàng		
- USD	*13.002.502,71*	*11.916.360,82*
- KRW	*1.298.185.613,00*	*857.664.123,75*
- LAK	*50.348.391.902,25*	*50.348.391.902,25*
Phải thu khác		
- RMB	*602.700,83*	*2.349.220,00*
- USD	*97.854,24*	*40.873,00*
- KRW	*276.074.117,32*	*170.380.000,00*
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn		
- KRW	*425.414.433,00*	*284.425.580,65*
- USD	*328.766,00*	*194.155,57*
- GBP	-	*2.222,00*
- EUR	-	-
- RMB	*21.144.857,00*	*8.400.954,16*
Phải trả ngắn hạn khác		
- USD	*241.390,00*	-
- RMB	*428.363,00*	-
Vay ngắn hạn		
- USD	-	-
- KRW	*250.000.000,00*	*381.012.058,00*

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Tập đoàn ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, Tập đoàn đang gặp rủi ro do chưa chuyển nhượng được số chứng khoán kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 6. Hiện nay, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

quản lý rủi ro này, Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Tập đoàn đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	560.834.991.582	-	560.834.991.582
Chi phí phải trả	204.768.326.824	-	204.768.326.824
Vay và nợ thuê tài chính	1.037.911.728.795	2.676.349.316.203	3.714.261.044.998
Phải trả khác	255.710.133.759	4.390.768.297	260.100.902.056
Cộng	**2.059.225.180.960**	**2.680.740.084.500**	**4.739.965.265.460**

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	495.283.480.952	-	495.283.480.952
Chi phí phải trả	156.947.658.897	-	156.947.658.897
Vay và nợ thuê tài chính	743.495.289.336	3.181.786.535.905	3.925.281.825.241
Phải trả khác	132.409.871.596	4.000.000.000	136.409.871.596
Cộng	**1.528.136.300.781**	**3.185.786.535.905**	**4.713.922.836.686**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.631.825.874	-	79.631.825.874
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000
Phải thu khách hàng	797.335.913.576	-	797.335.913.576
Phải thu về cho vay	1.406.186.045.804	476.062.735.933	1.882.248.781.737
Phải thu khác	221.702.183.387	325.775.091.484	547.477.274.871
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	**2.768.855.968.641**	**802.857.827.417**	**3.571.713.796.058**

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.765.558.712	-	373.765.558.712
Chứng khoán kinh doanh	282.423.265.980	-	282.423.265.980
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.039.106.073	-	15.039.106.073
Phải thu khách hàng	692.608.912.507	-	692.608.912.507
Phải thu về cho vay	984.716.912.864	752.538.483.608	1.737.255.396.472
Phải thu khác	118.106.857.294	500.072.729.334	618.179.586.628
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.220.000.000	2.220.000.000
Cộng	**2.466.660.613.430**	**1.254.831.212.942**	**3.721.491.826.372**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

44. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của các Công ty trong Tập đoàn phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Tập đoàn đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.077.440.112.435	45.944.713.281	396.184.846.419	373.754.273.523	815.973.615	-	20.152.530.661	-	2.914.292.449.934
Doanh thu giữa các bộ phận	(121.773.642.254)	(29.820.031.000)	-	(35.693.876.363)	-	-	(3.163.636.363)	190.451.185.980	-
Giá vốn của bộ phận	1.893.951.289.777	35.524.836.910	386.605.850.532	146.876.065.161	456.187.591	-	20.555.087.314	-	2.483.969.317.285
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	183.488.822.658	10.419.876.371	9.578.995.887	226.878.208.362	359.786.024	-	(402.556.653)	-	430.323.132.649
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2018	1.579.596.000.015	1.607.189.522.700	443.389.567.936	4.563.061.092.470	(31.653.703.412)	360.053.376.528	195.184.869.418	-	8.716.820.725.655
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.562.761.271)
Tổng tài sản									**8.712.257.964.384**
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2018	1.628.851.066.297	276.347.397.920	42.460.353.035	2.904.677.533.895	(29.638.842.906)	291.548.728.935	89.331.258.494	-	5.203.577.495.670
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	26.525.686.545
Tổng nợ phải trả									**5.230.103.182.215**
Khấu hao và chi phí phân bổ	58.796.831.101	5.872.046.062	9.689.442.602	87.663.243.756	21.320.204	3.899.808.119	2.730.156.074	-	168.672.847.918
- Khấu hao	*58.267.103.905*	*5.783.964.387*	*8.807.541.122*	*85.617.758.855*	-	*2.983.816.373*	*2.719.452.806*	-	164.179.637.447
- Chi phí phân bổ142,242	*529.727.196*	*88.081.675*	*881.901.481*	*2.045.484.902*	*21.320.204*	*915.991.746*	*10.703.268*	-	4.493.210.471
Khấu hao và chi phí không phân bổ									403.896.456

DUCLONG GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.856.884.146.469	77.002.403.848	378.781.061.700	570.497.824.407	638.190.688	-	13.705.770.516	-	2.897.509.397.628
Doanh thu giữa các bộ phận	(265.606.500.081)	-	-	(177.813.678.156)	-	-	(2.099.999.996)	445.520.178.233	-
Giá vốn của bộ phận	1.657.223.524.543	56.705.726.916	372.020.317.916	311.902.392.125	455.947.274	-	11.310.146.908	-	2.409.618.055.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	199.660.621.926	20.296.676.932	6.760.743.784	258.595.432.282	182.243.414	-	2.395.623.608	-	487.891.341.946
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2017	1.932.928.614.075	1.293.564.140.379	59.249.527.402	3.661.897.335.177	720.148.486	670.041.076.062	682.316.854.184	-	8.300.717.695.765
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	11.773.736.285
Tổng tài sản									**8.312.491.432.050**
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2017	1.002.118.991.120	662.202.646.384	56.954.872.636	2.814.373.655.628	168.419.774	210.918.827.092	166.349.401.171	-	4.913.086.813.805
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	47.644.954.297
Tổng nợ phải trả									**4.960.731.768.102**
Khấu hao và chi phí phân bổ	58.233.220.797	3.905.252.881	889.729.090	88.338.888.430	23.056.440	2.313.179.956	6.341.175.511	-	160.044.503.105
- Khấu hao	*57.941.439.554*	*3.786.241.251*	*606.625.803*	*86.375.807.769*	-	*529.929.006*	*6.129.093.940*	-	155.369.137.323
- Chi phí phân bổ142,242	*291.781.243*	*119.011.630*	*283.103.287*	*1.963.080.661*	*23.056.440*	*1.783.250.950*	*212.081.571*	-	4.675.365.782
Khấu hao và chi phí không phân bổ									

DUCLONG GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

45. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại Công ty này là 40%.
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại Công ty này là 33,33%.
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 20%. Ông Bùi Pháp - Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty này.
Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại công ty này là 40%.
Công ty CP Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại công ty này là 20%. Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 4%.
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại Công ty này là 1%.
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	Có chung cổ đông lớn là ông Bùi Pháp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Công ty con của Công ty có chung cổ đông lớn (Công ty CP ĐT&PT Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của Công ty có chung cổ đông lớn (Công ty CP ĐT&PT Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Ông Bùi Pháp là Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐTV của Công ty này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Nội dung	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Cho thuê tài sản	1.536.000.000	1.536.000.000
Công ty CP DV CTCC Đức Long Bảo Lộc	Cho thuê tài sản	2.691.290.376	3.561.890.376
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Doanh thu xây lắp	36.733.307.611	102.520.934.111
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyê	Bán hàng hóa	385.686.709.514	513.951.400.500
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Bán hàng hóa	2.055.375.000	11.481.600.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Bán hàng hóa	9.757.690.000	9.226.237.500
Mua hàng, nhận dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	Đi thuê tài sản	381.818.184	381.818.184
	Mua khoản đầu tư	217.331.180.000	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Mua đá các loại	42.269.496.000	144.325.163.500
	Thuê thi công xây lắp	19.235.724.545	1.072.700.000
Các giao dịch khác			
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	Lãi cho vay	15.371.607.444	18.875.631.972
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Lãi cho vay	11.956.869.050	-
Công ty CP Đầu tư - Xây Dựng Vạn Gia Long	Lãi cho vay	288.724.110	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Cổ tức được nhận	225.036.000	207.270.000

46. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

47. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Trung Kiên	Trần Cao Châu	Nguyễn Thị Như Huyền

Gia Lai, ngày 15 tháng 04 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5900415863 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
TP. PLEIKU - T. GIA LAI

NGUYỄN TRUNG KIÊN